

BÁO CÁO **2012**
THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 4 3726 2600 - Fax: +84 4 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn





MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT MBS.....	3
I. GIỚI THIỆU CÔNG TY.....	5
1. Tầm nhìn.....	5
2. Sứ mệnh.....	5
3. Giá trị cốt lõi.....	5
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	6
5. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012.....	9
1. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2012.....	9
2. Kết quả kinh doanh MBS.....	9
3. Kết quả hoạt động của các mảng Dịch vụ.....	11
4. Triển vọng kinh tế trong tương lai.....	13
III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	15
1. Thông tin chung.....	15
2. Báo cáo của ban Tổng Giám đốc.....	16
3. Báo cáo Kiểm toán độc lập.....	17
4. Bảng cân đối Kế toán.....	18
5. Kết quả hoạt động Kinh doanh.....	20
6. Báo cáo lưu chuyển Tiền tệ.....	21
7. Thuyết minh báo cáo Tài chính.....	23
IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	65
1. Sơ đồ tổ chức.....	65
2. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành.....	66
V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	67
1. Hội đồng Quản trị.....	67
2. Ban Kiểm soát.....	73
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát.....	76
VI. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG.....	77

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT MBS



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MBS

Kính thưa Quý vị,

Năm 2012, đứng trước tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn, HĐQT MBS đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao, đưa ra những định hướng đúng đắn, quyết liệt và linh hoạt chỉ đạo điều hành theo diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng hoạt động của Công ty; hướng trọng tâm hoạt động Công ty trong năm 2012 vào công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm soát chi phí, đẩy mạnh công tác cơ cấu và tổ chức lại nhân sự, tập trung cho công tác chăm sóc và phát triển khách hàng, thay đổi bộ nhận diện thương hiệu MBS, tái cơ cấu danh mục đầu tư, tập trung xử lý triệt để các khoản nợ xấu. Hoạt động thu hồi nợ xấu đã có những kết quả khả quan. Kết quả kinh doanh của Công ty đã đạt các mục tiêu đã đề ra về doanh thu, chi phí và lợi nhuận.

Đạt được kết quả khả quan đó, bên cạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Hội đồng quản trị MBS, phải kể đến sự định hướng và hỗ trợ từ phía ngân hàng mẹ - Ngân hàng TMCP Quân đội cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty.

Kết quả đó cũng khẳng định định hướng chiến lược do Đại hội đồng cổ đông đề ra là hoàn toàn đúng đắn và sẽ là tiền đề quan trọng cho việc thực hiện chiến lược phát triển của MBS giai đoạn tiếp theo, theo đó tập trung vào củng cố và phát triển bền vững.

Trong năm 2013, MBS đưa ra phương châm hành động: “Củng cố lực lượng, phát triển khách hàng, hoạt động an toàn - bền vững”. Phương châm này sẽ được HĐQT cụ thể hóa trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2013:

- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2013 – 2017
- Xây dựng và triển khai triết lý kinh doanh mới đi kèm với 05 giá trị cốt lõi của MBS.
- Đẩy mạnh công tác tổ chức, nhân sự.
- Tập trung cho công tác chăm sóc và phát triển khách hàng.
- Đẩy mạnh Công tác quản trị rủi ro.
- Tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư.

Thay mặt cho HĐQT, Ban điều hành và cán bộ nhân viên MBS, Tôi xin gửi đến các Quý vị cổ đông và các đối tác lời cảm ơn chân thành vì đã tin tưởng và đồng hành cùng MBS đặc biệt trong việc tái cấu trúc mạnh mẽ năm 2012. Tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị để MBS tiếp tục thành công hơn trên con đường phát triển mới.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lưu Trung Thái

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. TẦM NHÌN

MBS xác định mỗi Khách hàng là một đối tác riêng biệt, có điều kiện tài chính, mục tiêu đầu tư khác nhau và đều hướng đến một sự tăng trưởng tài chính bền vững.

Do đó MBS luôn sáng tạo và nỗ lực không ngừng cùng khách hàng tìm ra các Giải pháp đầu tư và tài chính tối ưu được may đo riêng cho từng gia đình và doanh nghiệp.

Với MBS:

- Khách hàng luôn là trung tâm của mọi hoạt động.
- Nhân lực tại MBS là tài sản quý giá và luôn luôn cần có thử thách.
- Tăng trưởng bền vững là mục tiêu trọng yếu và lâu dài của MBS.

Trên cơ sở đó, MBS phấn đấu trở thành:

- Công ty có dịch vụ thuận tiện nhất cho khách hàng cá nhân.
- Chuyên nghiệp nhất trong các nhà cung cấp dịch vụ M&A và thị trường vốn tại Việt Nam

2. SỨ MỆNH

Sáng tạo và nỗ lực không ngừng để mang đến cơ hội đầu tư và tăng trưởng tài chính cho từng Khách hàng và Đối tác.

3. GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sáng tạo đi kèm thực tiễn

Thực tiễn là nơi kiểm nghiệm các sáng tạo của MBS. MBS tập trung sáng tạo từ những thứ nhỏ nhất để tạo ra các giải pháp riêng có cho từng khách hàng, từng dịch vụ, từng quy trình và công việc. Do đó tại MBS sự sáng tạo là việc tìm ra và áp dụng những giải pháp mới tốt hơn, hiệu quả hơn cho tổ chức và khách hàng. MBS sáng tạo từ việc liên tục học tập, lắng nghe, tìm hiểu và áp dụng tất cả những thay đổi phù hợp dù là nhỏ nhất để hướng tới phục vụ khách hàng với các giải pháp tối ưu hơn cho riêng họ.

Tôn trọng và học tập

MBS luôn luôn tôn trọng các ý tưởng sáng tạo, các ý kiến, đóng góp của từng cá nhân và đặc biệt là từ khách hàng tới mọi con người tại MBS đều có trách nhiệm ngay lập tức đáp ứng các nhu cầu khác biệt của từng khách hàng và coi đó là Giá trị lớn nhất, là Sự khác biệt mà MBS mang lại cho khách hàng.

Tôn trọng là lắng nghe và hỏi các câu hỏi để hiểu thật thấu đáo các ý kiến của đồng nghiệp và khách hàng, từ đó nhanh chóng giúp đỡ và thực hiện các yêu cầu của họ.

MBS coi học tập lớn nhất là từ khách hàng và từ việc giải các bài toán từ những yêu cầu khác nhau của khách hàng.

Mẫn cán

Để thành công và được khách hàng và đối tác tin cậy và lựa chọn, Người MBS cần phải làm việc mẫn cán tức là chủ động làm việc, luôn nghĩ ra cách thực hiện công việc tốt hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn. MBS đồng thời duy trì kỷ luật cao để triển khai nhanh, nhất quán các quy trình công việc, ý tưởng sáng tạo và các cam kết, đặc biệt là các cam kết liên quan đến an toàn tài chính với khách hàng và nhân viên MBS.

Tinh thần đồng đội

Một tổ chức một mục tiêu - không có một cá nhân nào là quá quan trọng tại MBS. Để thống nhất mục tiêu, hành động, các cán bộ quản lý MBS cần là những người nắm bắt được chiến lược của công ty, biết giao việc theo tiêu chuẩn SMART, định hướng cách giải quyết công việc và giám sát kết quả của các công việc đó.

Trách nhiệm và phát triển cộng đồng

MBS cam kết chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và lợi nhuận cho cộng đồng xã hội, giúp tạo ra một thị trường vốn phục vụ hiệu quả nhất phát triển kinh tế đất nước, đồng thời mang đến cho các gia đình và doanh nghiệp các giá trị đầu tư và tài chính tối ưu.

MBS cam kết chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và lợi nhuận cho cộng đồng xã hội, giúp tạo ra một thị trường vốn phục vụ hiệu quả nhất phát triển kinh tế đất nước, đồng thời mang đến cho các gia đình và doanh nghiệp các giá trị đầu tư và tài chính tối ưu.

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau 12 năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Trong hai năm liên tiếp 2009 và 2010, MBS đã vươn lên dẫn đầu thị phần môi giới tại cả hai sở giao dịch: Sở GDCK Hà Nội (HNX) và Sở GDCK TP. HCM (HOSE).

Với thế mạnh là công ty thành viên của Tập đoàn MB, MBS liên tục vươn lên đạt các mốc phát triển mới cả về quy mô và nghiệp vụ. Vốn điều lệ của MBS đã tăng dần qua các năm từ 9 tỷ VNĐ lên 1.200 tỷ VNĐ.

Hiện nay, MBS tập trung phát triển hai mảng hoạt động chính là Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư được hỗ trợ bởi hoạt động nghiên cứu chuyên sâu. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm. Đặc biệt, MBS đã mở rộng hệ thống các điểm giao dịch trực tuyến tại các Chi nhánh MB trên toàn quốc. MBS đã thu hút và phát triển được một đội ngũ nhân sự năng động trong đó có hàng chục chuyên gia phân tích và hàng trăm chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân và tổ chức được đào tạo bài bản, có tư cách đạo đức tốt, không ngừng phấn đấu để cung cấp dịch vụ và các giải pháp kinh doanh cho khách hàng với sự cẩn trọng, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao nhất.

Năm 2000	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân Đội với vốn điều lệ 9 tỷ VNĐ
Năm 2003	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 43 tỷ VNĐ Khai trương Chi nhánh TP. HCM
Năm 2006	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ VNĐ
Năm 2007	<ul style="list-style-type: none"> Cổ phần hóa Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ VNĐ
Năm 2008	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 420 tỷ VNĐ
Năm 2009	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ VNĐ Khai trương Chi nhánh Hải Phòng Công ty chứng khoán có vị trí thị phần môi giới số 1 tại cả hai sở giao dịch HNX và HSX
Năm 2010	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ VNĐ Công ty chứng khoán có vị trí thị phần môi giới số 1 tại cả hai sở giao dịch HNX và HSX
Năm 2012	<ul style="list-style-type: none"> Đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) Thay đổi logo và Hệ thống nhận diện Một thương vụ IB được vinh danh là một trong số các thương vụ tiêu biểu tại Việt Nam
Năm 2013	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi trụ sở chính về địa chỉ Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

5. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất: Môi giới và tự doanh chứng khoán

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

Dịch vụ Chứng khoán

MBS cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tư vấn tài chính đa dạng cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức.

Các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán cơ bản gồm: mở tài khoản giao dịch chứng khoán, môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Các sản phẩm dịch vụ tài chính bao gồm: ủng trước tiền bán, hỗ trợ thanh khoản, ký quỹ và các dịch vụ hỗ trợ tài chính khác.

Các sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử gồm:

STOCK 24 Dịch vụ giao dịch trực tuyến đa tiện ích với nhiều tính năng vượt trội, tốc độ nhanh, giao dịch thân thiện dành cho tất cả các khách hàng;

CONTACT 24 Dịch vụ giao dịch chứng khoán, dịch vụ tài chính, truy vấn thông tin qua điện thoại dành cho khách hàng;

SEARCH 24 Dịch vụ tra cứu thông tin doanh nghiệp và thông tin thị trường;

QUOTE 24 Dịch vụ bảng giá trực tuyến với nhiều tính năng ưu việt, tốc độ nhanh;

OPEN 24 Dịch vụ mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến;

SMS 24 Dịch vụ thông báo kết quả khớp lệnh, tra cứu kết quả khớp lệnh và số dư tài khoản, tra cứu thông tin thị trường và thông tin chứng khoán qua tin nhắn SMS.

Dịch vụ Nghiên cứu

MBS đã xây dựng hai hệ thống báo cáo nghiên cứu dành cho nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức bao gồm các nghiên cứu về kinh tế, thị trường, cổ phiếu và thị trường nợ. Các nhà đầu tư tổ chức có thể tìm thấy nhiều thông tin hữu ích thông qua các báo cáo hàng ngày như The Investor Daily, The Investor Strategies, The Investor Express. Đối với nhà đầu tư tổ chức, MBS cung cấp các báo cáo nghiên cứu về kinh tế vĩ mô thông qua Vietnam Outlook, Vietnam Fixed Income và Vietnam Strategies. Thời gian tới, MBS sẽ cung cấp thêm một số sản phẩm nghiên cứu khác như Commodity Report cùng các sản phẩm nghiên cứu đặc thù phục vụ những khách hàng riêng của MBS.

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư được MBS rất chú trọng phát triển bao gồm: Tư vấn phát hành cổ phiếu (ECM); Tư vấn trái phiếu (DCM); Tư vấn M&A và Tư vấn tài chính.

MBS tư vấn cho khách hàng các phương án, thủ tục và yêu cầu pháp lý trong việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu. Với một mạng lưới khách hàng, đối tác, tổ chức đa dạng như các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm và các quỹ đầu tư, tạo nên lợi thế để MBS giúp Khách hàng doanh nghiệp huy động vốn thành công thông qua chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng. Bên cạnh đó, MBS luôn có sự hậu thuẫn của Ngân Hàng TMCP Quân đội (MB), một nhà đầu tư lớn trên thị trường trái phiếu. Đây là một yếu tố thuận lợi để MBS và MB có thể giúp các doanh nghiệp phát hành trái phiếu thành công.

Dịch vụ tư vấn M&A của MBS giúp khách hàng tìm kiếm đối tác phù hợp nhất, kết nối bên mua và bên bán trên tinh thần vì lợi ích của cả hai bên. MBS cung cấp các dịch vụ trọn gói cho bên bán và bên mua từ các khâu lên kế hoạch cấu trúc giao dịch, xác định bên mua hoặc bên bán mục tiêu, thẩm định đặc biệt (DD), định giá, thương lượng mua bán, và hỗ trợ các vấn đề thủ tục pháp lý cần thiết để đảm bảo giao dịch thành công.

MBS cung cấp cho khách hàng các giải pháp giải quyết các vấn đề khó khăn về tài chính, thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng của doanh nghiệp với trình độ chuyên môn vững chắc, thái độ phục vụ cẩn thận và tận tụy. Các dịch vụ tư vấn tài chính của MBS bao gồm: Tư vấn cổ phần hóa; Tư vấn niêm yết; Tư vấn tái cơ cấu tài chính và vốn; Tư vấn về quan hệ cổ đông và Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp.

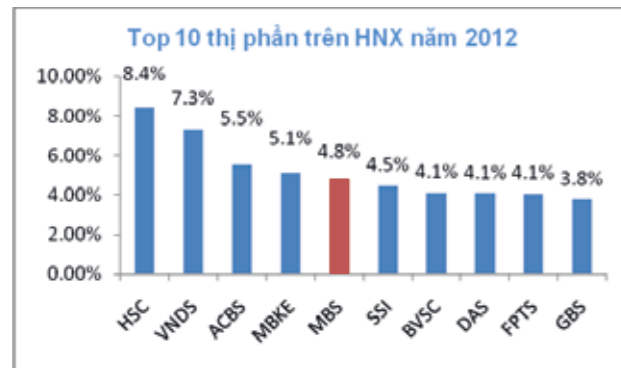


II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2012

Năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, từ những khó khăn kinh tế vĩ mô đến khó khăn của DN, tốc độ tăng GDP năm 2012 chỉ đạt hơn 5,03% (thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây). Rõ ràng những bất ổn kinh tế vĩ mô tích tụ trong mấy năm gần đây đã buộc Việt Nam phải chuyển trọng tâm chính sách từ ưu tiên tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Lạm phát năm 2012 đã dần được kiểm soát, giảm mạnh trong nửa đầu năm và đạt mức thấp trong tháng 8, sau đó tăng chậm trong nửa cuối năm. Việc giảm nhanh chóng và vững chắc tỷ lệ lạm phát từ mức đỉnh trên 23% vào tháng 8/2011 xuống 5% trong 12 tháng đã gây bất ngờ cho hầu hết những người quan sát. Động lực lớn nhất cho sự thay đổi này là mức giảm đáng kể về giá lương thực thực phẩm, từ 34% xuống 2% trong cùng thời điểm trên.

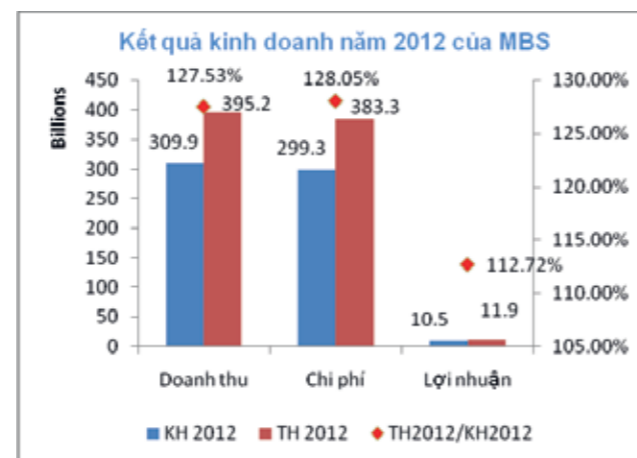
Thị trường chứng khoán năm 2012 âm ảm đã tác động đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các công ty chứng khoán trên thị trường. Nhiều công ty chứng khoán đã thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, tăng doanh thu như đóng cửa các phòng giao dịch hoạt động không hiệu quả, thay đổi địa chỉ trụ sở, cắt giảm nhân sự, tăng lãi suất hỗ trợ tài chính... Chiến lược kinh doanh của các công ty chứng khoán cũng đã có sự thay đổi, không còn tập trung quá nhiều cho hoạt động môi giới và tăng thị phần bằng mọi giá, mà thay vào đó là bài toán hiệu quả, an toàn được ưu tiên.



Năm 2012, khi MBS tập trung chủ yếu vào việc cơ cấu lại công ty nên thị phần của MBS trên cả hai sàn bị sụt giảm đáng kể. Tại sàn HSX thị phần của MBS bị giảm từ 5.4% năm 2011 xuống còn 3,8% năm 2012 và tụt từ vị trí số 4 trong năm 2011 xuống vị trí thứ 7 năm 2012. Tại sàn HNX thị phần của MBS bị giảm từ 6,87% năm 2011 xuống còn 4,8% năm 2012 và tụt từ vị trí số 1 trong năm 2011 xuống vị trí thứ 5 năm 2012. Tuy nhiên, nhìn lại cả năm 2012 thị phần của MBS đã có những sự cải thiện đáng kể khi thị phần tại thời điểm cuối năm 2012 tăng gấp đôi so với thời điểm đầu và trong các tháng đầu năm 2013 đã duy trì quanh mức 5%.

2. KẾT QUẢ KINH DOANH MBS

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn đối với thị trường chứng khoán nói chung và MBS nói riêng. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ từ phía ngân hàng mẹ MB kết hợp những định hướng đúng đắn từ phía ban điều hành của MBS cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty nên MBS đã hoàn thành vượt kế hoạch đã đề ra, cụ thể doanh thu đạt 395,2 tỷ hoàn thành 127,5% và lợi nhuận đạt 11,9 tỷ hoàn thành 112% so với kế hoạch đặt ra.



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	3,036,804,562,955	2,774,611,150,216	-8.63%
Doanh thu thuần	690,309,178,263	394,378,153,628	-42.87%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-587,851,074,605	14,670,155,722	102.50%
Lợi nhuận khác	-4,269,611,402	-332,952,660	92.20%
Lợi nhuận trước thuế	-592,120,686,007	14,337,203,062	102.42%
Lợi nhuận sau thuế	-592,120,686,007	11,872,358,312	102.01%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	%tăng/giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
+ TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.43	1.54	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn	1.43	1.54	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.74	0.71	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.52	2.03	Nợ phải trả không bao gồm tiền của nhà đầu tư và quỹ khen thưởng phúc lợi
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0.86	0.03	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.74	0.01	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.19	0.004	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.85	0.04	

Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2012 so với năm 2011 giảm 8.63%, trong đó các khoản phải thu giảm 5.88%. Nợ quá hạn năm 2012 so với năm 2011 tăng 49.01% và số trích lập dự phòng phải thu khó đòi tăng 138.57%.

Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả năm 2012 so với năm 2011 giảm 12.2%. Trong năm công ty đã giảm nợ phải trả 273.3 tỷ so với năm 2011.

Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 120.000.000 cổ phần; Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 120.000.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

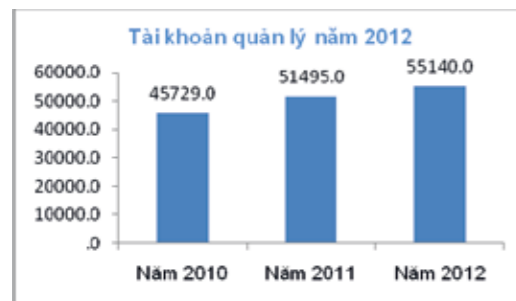
- Theo tiêu chí cổ đông lớn và cổ đông nhỏ: Cổ đông lớn: 61,852%; Cổ đông nhỏ: 38,148%
- Theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân: Cổ đông tổ chức: 64,342%; Cổ đông cá nhân: 35,658%
- Theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài: Cổ đông trong nước: 100%; Cổ đông nước ngoài: 0%
- Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác: Cổ đông nhà nước: 0%; Cổ đông khác: 100%

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC MẢNG DỊCH VỤ

Hoạt động Môi giới

Mặc dù thị trường chứng khoán năm 2012 nhiều biến động, giao dịch tuy nhiều giai đoạn âm đạm nhưng MBS đã cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố lòng tin đối với khách hàng nhằm giữ vững mạng lưới khách hàng hiện có và thu hút thêm khách hàng mới. Kết thúc năm 2012, số lượng tài khoản quản lý đạt hơn 55.000 tài khoản tăng 3775 tài khoản (tăng 20,6% so với năm 2010 và tăng 7% so với năm 2011).



Trong năm 2012, sản phẩm phần mềm giao dịch trực tuyến Stock24 của MBS đã được cải tiến và nâng cấp với nhiều tính năng vượt trội, đem lại cho khách hàng sự nhanh chóng và tiện lợi tối đa. Tỷ lệ đặt lệnh qua Stock24 tăng từ 60% trong tháng 1 lên 80,8% vào tháng 12. Sản phẩm này đã giúp MBS thu hút nhiều khách hàng trong điều kiện thị trường cạnh tranh khốc liệt. Cùng với đó là các dịch vụ tài chính chất lượng như Margin; Margin+ ... đã được cung cấp cho khách hàng.

Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Trong năm 2012, MBS đã thực hiện ký mới được 49 hợp đồng tư vấn với giá trị đạt 6,1 tỷ đồng và mức phí thành công từ 2% - 4%. Đây là cơ hội để Khối Dịch vụ dịch vụ ngân hàng đầu tư gặt hái được nhiều doanh thu lớn khi hoàn thành thương vụ.

Hoạt động ngân hàng đầu tư nổi bật trong năm 2012 đó là đã tư vấn thành công thương vụ M&A bán 19% cổ phần của Công ty Thực phẩm Cholimex cho Tập đoàn Nichirei của Nhật với giá trị khoảng 6,25 triệu USD. Thêm vào đó, trong tháng 8/2012 MBS đã hoàn tất thương vụ chào mua công khai 10,62% cổ phần Công ty cổ phần Cồn rượu Hà nội Halico nâng tỷ lệ sở hữu của bên mua là Diageo tại Halico lên 45,52%.

Với những thương vụ trên khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư đã đóng góp vào doanh thu MBS từ phí tư vấn thành công và giúp MBS thoái vốn đầu tư với giá tốt. Bên cạnh đó, những thương vụ đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hoạt động M&A của MBS, khẳng định hình ảnh và uy tín của MBS trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư nói riêng và trên thị trường nói chung.

Ngoài ra, MBS và MB cũng chính thức đạt được ký kết thỏa thuận trong việc hợp tác giữa hai bên trong việc bán chéo sản phẩm trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư nhằm đem lại tối đa hóa lợi nhuận cho hai bên.

Hoạt động Nghiên cứu

Đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp của khối Nghiên cứu luôn xây dựng một cơ sở dữ liệu phong phú, cập nhật những thông tin mới nhất về thị trường, các ngành kinh tế chủ chốt và các công ty hàng đầu. Các báo cáo ngành chuyên sâu, báo cáo công ty mà Khối Nghiên cứu cung cấp cho khách hàng đã góp phần giúp các nhà đầu tư hiểu biết sâu hơn về những khía cạnh cơ bản của cổ phiếu và đánh giá lượng cung cầu dẫn dắt giá cổ phiếu trên thị trường.

MBS đã xây dựng hai hệ thống báo cáo nghiên cứu dành cho nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức bao gồm các nghiên cứu về kinh tế, thị trường, cổ phiếu và thị trường nợ. Các nhà đầu tư tổ chức có thể tìm thấy nhiều thông tin hữu ích thông qua các báo cáo hàng ngày như The Investor Daily, The Investor Strategies, The Investor Express. Đối với nhà đầu tư tổ chức, MBS cung cấp các báo cáo nghiên cứu về kinh tế vĩ mô thông qua Vietnam Outlook, Vietnam Fixed Income và Vietnam Strategies. Thời gian tới, MBS sẽ cung cấp thêm một số sản phẩm nghiên cứu khác như Commodity Report cùng các sản phẩm nghiên cứu đặc thù phục vụ những khách hàng riêng của MBS.

Hoạt động Đầu tư

Tận dụng cơ hội thị trường, Ban Đầu tư đã tiến hành cơ cấu lại danh mục theo hướng nắm giữ những cổ phiếu có cơ bản tốt và tính thanh khoản cao. Do đó, tính tại thời điểm 31/12/2012, NAV danh mục chứng khoán tăng 18% so với thời điểm 31/12/2011 trong khi chỉ số HNX-Index giảm 3% và Vn-Index tăng 22%.

Ứng dụng Công nghệ Thông tin

Trong năm 2012, Trung tâm công nghệ thông tin MBS đóng vai trò rất quan trọng trong mọi hoạt động của công ty. Với mục tiêu nâng cao năng suất lao động, Trung tâm Công nghệ thông tin đã và đang chuẩn hóa các phần mềm hiện hành, xây dựng mới những phần mềm cho các đơn vị như kế toán, nghiệp vụ cũng như tham gia vào các dự án phát triển và golive các sản phẩm mới. Bên cạnh đó, trung tâm công nghệ cũng đã thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống giao dịch đáp ứng yêu cầu kinh doanh của khối Dịch vụ chứng khoán, đảm bảo hệ thống core hoạt động ổn định, liên tục.

MBS trong năm 2012 cũng đưa vào cơ chế quản lý và khai thác DC với sự hỗ trợ của MB.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2012, MBS đã thực hiện đánh giá lại công tác quản trị và tái cấu trúc hoạt động nhằm phù hợp hơn với tình hình thực tế theo hướng tinh gọn bộ máy và chú trọng công tác quản trị rủi ro. Quá trình tái cơ cấu đã diễn ra một cách nhanh chóng và hiệu quả với sự đồng thuận của toàn thể CBNV. MBS đã đặt quản trị rủi ro vào đúng vai trò của nó, tách biệt độc lập với các bộ phận tác nghiệp, thực hiện trên nguyên tắc hoạt động độc lập, khách quan, trung thực và thống nhất trên toàn hệ thống. MBS đã xác định những rủi ro tiềm ẩn để từ đó xây dựng các chốt chặn, tuân thủ nghiêm túc quy định pháp luật trong toàn bộ hoạt động của mình.

Phòng QTRR là bộ phận vừa tham vấn chính sách, giám sát rủi ro và vừa kiểm tra thực tế, đảm bảo mọi chính sách được thực thi phải tuân thủ nghiêm túc, đúng pháp luật và trong giới hạn rủi ro cho phép của công ty.

Với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, MBS nhận định quản trị rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty. MBS đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa lợi nhuận và chi phí quản lý rủi ro. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của công ty bao gồm:

- Rủi ro thị trường: là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- Rủi ro thanh toán: là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi công ty chứng khoán không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường
- Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- Rủi ro pháp lý: là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Trong năm 2012 hệ thống quản trị rủi ro của MBS thực sự hoạt động rất hiệu quả, hầu hết các rủi ro trên đã nằm trong tầm kiểm soát, điều này được thể hiện thông qua việc năm 2012, MBS đã không để phát sinh các rủi ro trọng yếu trong hoạt động.

Các hoạt động văn hóa, xã hội, từ thiện

Năm 2012 là một năm nhiều khó khăn với các doanh nghiệp ngành tài chính nói chung và ngành chứng khoán nói riêng, tuy nhiên MBS đã ổn định hoạt động kinh doanh và tiếp tục duy trì tốt các hoạt động từ thiện, xã hội vốn đã trở thành nét đẹp truyền thống trong nhiều năm qua.

Với tấm lòng nhiệt huyết và mong muốn chia sẻ khó khăn với cộng đồng, MBS đã tổ chức các chương trình từ thiện và kêu gọi sự tham gia không chỉ của các thành viên MBS mà còn của các nhà đầu tư, đối tác và bạn bè. Tháng 9.2012, Đoàn thanh niên MBS tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết hợp cùng Đoàn thanh niên Trường ĐHKTP. HCM tổ chức thành công chuyến đi đến với các em nhỏ ở xã Năm Nung, huyện Krông Nô, Tỉnh Đắk Nông xa xôi nhân dịp Trung thu. Tại đây những tình nguyện viên MBS đã tổ chức trò chơi nhân gian, cắt tóc, phát kem đánh răng, bàn chải; chương trình "Áo trắng yêu thương" với 1000 chiếc áo trắng cho các em học sinh; tặng bánh Trung thu, lồng đèn, trò chơi thiếu thi; trao 20 suất học bổng trị giá 8,000,000 đồng cho các học sinh nghèo vượt khó, tặng quà cho 20 hộ gia đình khó khăn...

Và cũng vào những ngày cuối năm, những tình nguyện viên nhiệt huyết của MBS mang đến cho những bệnh nhân thiếu nhi tại Bệnh viện Nhi đồng 2 - TP. HCM chương trình "Cây thông mơ ước" với những tình cảm ấm áp, những món quà tuy nhỏ bé nhưng đã đem lại thật nhiều niềm vui và hạnh phúc cho hơn 150 em nhỏ đang điều trị điều trị các bệnh hiểm nghèo tại đây.

Tại Hà Nội, Quỹ Trái tim MBS đã kết hợp cùng Bệnh viện E - Trung tâm tim mạch tổ chức thăm và tặng quà cho 100 cháu mắc căn bệnh tim từ thể nhẹ đến nặng nhất nhân dịp Trung Thu 2012, với tổng giá trị quà tặng hơn 70 triệu đồng. Những ánh mắt rạng rỡ trên cơ thể yếu ớt của các bé là một nguồn động lực vô cùng lớn lao để chúng tôi - những tình nguyện viên MBS tiếp tục hành trình mang đến những niềm vui nhỏ bé dành tặng cộng đồng trong những thời gian tới.

Như vậy có thể nói MBS đã kết thúc năm 2012 đầy cố gắng trong điều kiện kinh tế và thị trường chứng khoán thay đổi liên tục. MBS đã đảm bảo các chương trình lớn được thực hiện, tinh thần làm việc của CBNV cơ bản tăng cao, Công ty đã nắm bắt và bám sát diễn biến của thị trường, duy trì các chỉ số an toàn trong mức cho phép, tăng được thị phần và uy tín của MBS. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn cần nhanh chóng tháo gỡ và thay đổi để đảm bảo năm 2013, MBS tiếp tục giữ vững định hướng phát triển ổn định và bền vững.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

4.1 Triển vọng kinh tế và thị trường

Trong kỳ họp Quốc hội vừa qua chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2013 đạt 5,5%; Lạm phát năm 2013 tiếp tục tăng ở mức thấp. Với chính sách tiền tệ thắt chặt khiến tăng trưởng tín dụng dự kiến không cao, thêm vào đó sức mua cũng suy yếu do khó khăn kinh tế trong nước nên lạm phát năm 2013 cũng tiếp tục ở mức thấp dự kiến tăng dưới 6%, lãi suất tiếp tục giảm, tỷ giá vẫn sẽ tiếp tục ổn định. Với dự báo về hình hình kinh tế vĩ mô năm 2013, thị trường chứng khoán trong năm 2013 dù còn nhiều khó khăn nhưng dự báo sẽ tích cực hơn năm 2012.

4.2 Phương châm hành động

Năm 2012, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một giai đoạn đầy khó khăn và thách thức. Chỉ số sụt giảm, quy mô giao dịch bị thu hẹp, tình hình kinh doanh của các công ty chứng khoán gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, trước những kỳ vọng về thị trường chứng khoán 2013 vẫn tiếp tục khó khăn, thị trường về trung và dài hạn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, MBS đưa ra phương châm hành động năm 2013 là:

CÙNG CỐ LỰC LƯỢNG, PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG, HOẠT ĐỘNG AN TOÀN, BỀN VỮNG

4.3 Định hướng hoạt động năm 2013

Hoạt động Môi giới

Tiếp tục ổn định đội ngũ kinh doanh, tích cực triển khai thu hút khách hàng và nhân sự tốt, phát triển mảng khách hàng bằng cách gia tăng các hoạt động marketing và tăng tiện ích sản phẩm, xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của đội ngũ Broker, tăng mạnh doanh thu từ dịch vụ tài chính và huy động vốn trên cơ sở các chính sách về quản trị rủi ro phải được thực thi triệt để.

Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Năm 2013 cũng là năm được các chuyên gia kinh tế đánh giá là năm mà hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) tiếp tục tăng trưởng mạnh, đây cũng chính là cơ hội để MBS thực hiện các thương vụ M&A mang lại doanh thu và tạo dựng uy tín, vị thế trên thị trường. Để thực hiện được điều này thì MBS cần tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự, liên kết chặt chẽ và dài hạn với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác triệt để thế mạnh trong Tập đoàn MB.

Hoạt động Đầu tư

Mục tiêu trọng tâm của hoạt động đầu tư trong năm 2013 là cơ cấu danh mục theo hướng cắt giảm các danh mục kém chất lượng, điều chỉnh và tìm kiếm các khoản đầu tư có khả năng cho lợi tức hàng năm từ 10% trở lên và có khả năng tăng trưởng trong trung và dài hạn.

Hoạt động Nghiên cứu

Trong năm 2013, khối Nghiên cứu sẽ tiếp tục cung cấp các báo cáo phân tích định kỳ gồm báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ và trái phiếu, ngành, phân tích cổ phiếu... Đồng thời, Khối Nghiên cứu cũng sẽ hỗ trợ tối đa cho hoạt động môi giới của công ty trong việc đưa ra những nhận định mang tính cập nhật nhất về tình hình thị trường nhằm đem lại cho nhà đầu tư thông tin cần thiết, giúp họ có thể ứng phó tốt trước những diễn biến của thị trường. Bên cạnh đó, Khối sẽ tham gia vào các hoạt động nhằm khuếch trương hình ảnh của MBS thông qua các hội thảo, báo chí...

Ứng dụng Công nghệ Thông tin

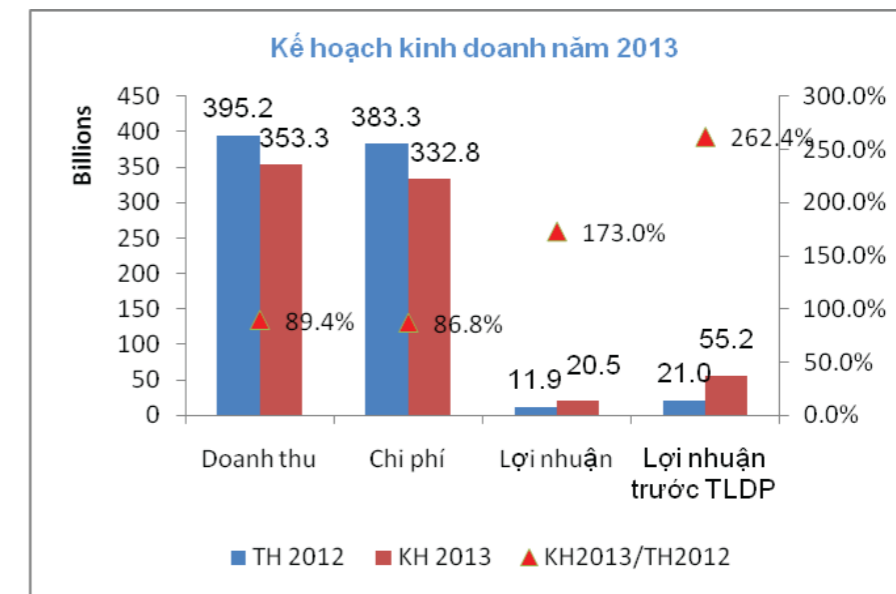
Trung tâm công nghệ thông tin sẽ không ngừng hoàn thiện và nâng cấp hệ thống nhằm duy trì tính ổn định cho mọi hoạt động của MBS trong năm 2013. Đồng thời Trung tâm công nghệ thông tin sẽ không ngừng tập trung xây dựng, hoàn thiện và nâng cấp các sản phẩm và các phần mềm quản lý nhằm đáp ứng mục tiêu thu hút khách hàng và nâng cao công tác quản trị trong toàn công ty.

Hoạt động Quản trị rủi ro

Năm 2013, thị trường chứng khoán sẽ còn nhiều khó khăn, diễn biến bất thường và mang đến nhiều rủi ro cho các công ty chứng khoán nói chung và MBS nói riêng. Ban điều hành MBS đã đề ra định hướng công tác quản trị rủi ro phải được thực hiện quyết liệt, triệt để và toàn diện nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống MBS. Phòng Quản trị rủi ro sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy định, quy trình quản trị rủi ro, nhận dạng và ngăn chặn các loại rủi ro trước khi xảy ra. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm, phòng sẽ kịp thời đưa ra cảnh báo và các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro đối với công ty.

4.4 Kế hoạch tài chính

Năm 2013, thị trường chứng khoán vẫn được dự đoán là còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình kinh tế vĩ mô khả năng còn nhiều bất ổn, không ủng hộ cho sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lớn nhất của thị trường vẫn là mức độ thanh khoản thấp, hoạt động đầu tư sẽ mang tính chất chấp nhận rủi ro cao. Tuy nhiên với những tiền đề đã tạo dựng được trong năm 2012 và sự nỗ lực của toàn bộ CBNV MBS đã đặt ra mục tiêu cho kế hoạch tài chính năm 2013 hướng tới yếu tố hiệu quả, cụ thể doanh thu 353,3 tỷ đồng chỉ đạt 89,4% so với thực hiện năm 2012, chi phí 332,8 tỷ đồng đạt 86,8% so với năm 2012 nhưng lợi nhuận trước thuế đạt 20,5 tỷ đồng đạt 173% so với năm 2012.



4.5 Kế hoạch tái cơ cấu mô hình tổ chức

Trước những biến động lớn của thị trường chứng khoán năm 2012, việc thay đổi mô hình tổ chức MBS để phù hợp với tiến trình phát triển là hết sức cấp bách và cần thiết và đã đạt nhiều thành công bước đầu. Năm 2013, hướng tới một mô hình tổ chức tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo hoạt động xuyên suốt của công ty, HĐQT cũng như Ban TGD sẽ tiếp tục nghiên cứu và điều chỉnh phù hợp, đảm bảo vận hành thông suốt, các khối, phòng ban vừa có tính độc lập riêng nhưng vẫn có thể tương tác với nhau, phối hợp với nhau trong công việc một cách tốt nhất.

4.6 Kế hoạch nhân sự

Cùng với hoàn thiện cơ cấu mô hình tổ chức toàn công ty, MBS cũng tiếp tục lên kế hoạch tái cơ cấu nhân sự theo hướng tinh gọn, gọn nhẹ nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên phát huy được hết khả năng của mình.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- MBS nằm trong top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất của Việt Nam.
- MBS là công ty có dịch vụ thuận tiện nhất cho khách hàng cá nhân.
- MBS là công ty chuyên nghiệp nhất trong các nhà cung cấp dịch vụ M&A và thị trường vốn tại Việt Nam

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long) Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và giấy phép Hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi tại ngày 26 tháng 10 năm 2011. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 85/GPDC/UBCK do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012 sửa đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")

Hoạt động chính của công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5-6-7, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Công ty có ba(03) chi nhánh đặt tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Hà Nội(2011: năm (05) chi nhánh).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011
Bà Cao Thị Thuý Nga	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Bà Nguyễn Minh Châu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Ông Quách Mạnh Hào	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011
Bà Bùi Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011
Bà Nguyễn Kim Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lưu Trung Thái	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2011
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2010

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lưu Trung Thái	Quyền Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình thành lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Lưu Trung Thái
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 02 năm 2013

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 57 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV

4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.082.805.703.396	2.246.535.633.970
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	415.493.777.269	287.853.414.218
111	1. Tiền		344.261.277.269	287.853.414.218
112	2. Các khoản tương đương tiền		71.232.500.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.1	214.651.624.667	316.079.274.361
121	1. Đầu tư ngắn hạn		469.201.559.034	660.778.532.516
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(254.549.934.367)	(344.699.258.155)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	1.434.279.051.087	1.612.395.856.668
131	1. Phải thu của khách hàng	7.1	1.272.918.063.364	1.436.091.589.716
132	2. Trả trước cho người bán	7.1	1.158.971.785	5.377.634.641
135	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
138	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
138	5. Các khoản phải thu khác	7.1	297.675.568.256	228.550.590.405
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.2	(137.473.552.318)	(57.623.958.094)
140	IV. Hàng tồn kho		82.757.064	69.148.064
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.298.493.309	30.137.940.659
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.037.700.818	5.499.126.255
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	69.269.006
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	646.582.491	9.057.764.268
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	15.614.210.000	15.511.781.130
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		691.838.446.820	790.268.928.985
220	I. Tài sản cố định		15.422.062.582	19.811.863.568
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.559.241.972	16.090.871.896
222	Nguyên giá		54.866.889.621	49.631.325.495
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.307.647.649)	(33.540.453.599)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.833.156.610	3.700.927.672
228	Nguyên giá		7.523.860.956	7.523.860.956
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.690.704.346)	(3.822.933.284)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		29.664.000	20.064.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.2	564.739.381.750	651.536.376.750
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	2. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn		364.737.019.800	450.615.714.800
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		364.737.019.800	450.615.714.800
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		250.862.089.950	244.343.389.950
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(50.859.728.000)	(43.422.728.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		111.677.002.488	118.920.688.667
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	90.996.040.922	96.209.930.764
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	12	6.028.682.000	8.493.526.750
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	12.685.435.621	10.825.425.949
268	4. Tài sản dài hạn khác		1.966.843.945	3.391.805.204
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.774.644.150.216	3.036.804.562.955

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.966.490.279.040	2.239.831.890.154
310	I. Nợ ngắn hạn		1.351.265.279.040	1.571.606.890.154
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	-	1.211.414.479.439
312	2. Phải trả người bán		290.449.838	155.985.273
313	3. Người mua trả tiền trước		1.529.502.000	2.244.100.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	505.051.675	3.891.933.429
315	5. Phải trả người lao động		6.520.779.936	2.173.023.840
316	6. Chi phí phải trả	16	10.398.639.696	12.129.530.910
	7. Phải trả nội bộ		-	-
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	1.050.853.125.790	234.107.894.613
321	9. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu		3.661.644.744	3.456.946.472
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		7.595.844.813	673.788.813
323	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	269.759.058.052	100.163.061.680
328	12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
329	13. Quỹ khen thưởng phúc lợi		151.182.496	1.196.145.685
330	II. Nợ dài hạn		615.225.000.000	668.225.000.000
331	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	19	15.225.000.000	68.225.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	20	600.000.000.000	600.000.000.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
339	8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	808.153.871.176	796.972.672.801
410	I. Vốn chủ sở hữu		808.153.871.176	796.972.672.801
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		121.000.000.000	121.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	5.099.912.818
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.468.016.895	6.936.522.361
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		25.218.922.731	20.154.428.553
420	10. Lỗ lũy kế		(545.533.068.450)	(556.218.190.931)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.774.644.150.216	3.036.804.562.955

5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	22	394.384.529.690	692.144.328.412
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		47.787.096.344	56.232.681.693
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		91.079.044.895	128.948.230.466
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	348.778.567
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	54.665.360
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		9.122.490.794	12.784.996.746
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		7.280.031.531	4.413.438.733
01.7	- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		96.500.005	107.272.730
01.9	- Doanh thu khác		239.019.366.121	489.254.264.117
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	(6.376.062)	(1.835.150.149)
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	394.378.153.628	690.309.178.263
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(235.055.204.259)	(1.184.373.901.992)
	Trong đó:			
	- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(317.767.528.047)	(949.496.273.837)
	- (Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng chứng khoán		82.712.323.788	(234.877.628.155)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh		159.322.949.369	(494.064.723.729)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(144.652.793.647)	(93.786.350.876)
30	7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		14.670.155.722	(587.851.074.605)
31	8. Thu nhập khác	25	784.806.547	3.915.544.206
32	9. Chi phí khác	25	(1.117.759.207)	(8.185.155.608)
40	10. Lỗ khác	25	(332.952.660)	(4.269.611.402)
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		14.337.203.062	(592.120.686.007)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(2.464.844.750)	-
60	14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		11.872.358.312	(592.120.686.007)
70	15. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu	27.3	99	(7.119)

Người lập



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán

Người phê duyệt



Ông Chu Hải Công
Quyền kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Lưu Trung Thái
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2013

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		14.337.203.062	(592.120.686.007)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(77.094.024.575)	1.455.682.246.245
02	Khấu hao tài sản cố định		11.039.233.395	18.852.145.475
03	Các khoản lập dự phòng		9.166.814.311	275.977.521.242
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(526.095)
05	(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư		(238.913.897.069)	557.557.243.731
06	Chi phí lãi vay		141.613.824.788	605.904.171.435
	Điều chỉnh lợi nhuận do quyết toán thuế năm trước		-	(2.608.309.543)
08	3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(62.756.821.513)	863.561.560.238
09	Giảm các khoản phải thu		158.724.298.734	2.018.645.230.487
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(13.609.000)	96.397.951.591
11	(Tăng)/giảm chứng khoán thương mại		191.576.973.482	-
	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		940.866.952.502	(447.266.889.155)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		8.675.315.279	(54.691.874.616)
13	Tiền lãi vay đã trả		(144.407.908.965)	(534.545.570.373)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.308.752.907	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9.711.487.168)	(2.529.609.346)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.091.262.466.258	1.939.570.798.826
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.906.461.635)	(11.163.286.182)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	225.146.893.172
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.518.700.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.878.695.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		177.338.842.867	11.051.236.433
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		247.792.376.232	225.034.843.423

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam


Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	21.562.525.455.248
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.211.414.479.439)	(24.071.966.855.809)
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.211.414.479.439)	(2.509.441.400.561)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		127.640.363.051	(344.835.758.312)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	287.853.414.218	632.689.172.530
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	415.493.777.269	287.853.414.218

Người lập



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán

Người phê duyệt



Ông Chu Hải Công
Quyền kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Lưu Trung Thái
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 2 năm 2013

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, là một trong số các công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi tại ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007, ngày 28 tháng 12 năm 2007 và ngày 26 tháng 10 năm 2011. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 85/GPDC/UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012 sửa đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5-6-7, Tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Như Kon Tum, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có ba (03) chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Vũng Tàu (2011: năm (05) chi nhánh).

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp tại ngày 5 tháng 6 năm 2000 là 9 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 1.200 tỷ đồng Việt Nam được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 373/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5-6-7 Tòa nhà Thăng Long - 98 Nguyễn Như Kon Tum - Phường Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một (01) trụ sở chính, ba (03) chi nhánh và sáu (06) phòng giao dịch.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 278 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 407 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực về hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6 năm
Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

3.6 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.9.1 Đầu tư ngắn hạn: Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.9.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hường các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.9.3 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hình thành cổ phiếu, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro đối với danh mục chứng khoán đầu tư, sẽ được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị của chứng khoán.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa hình thành cổ phiếu và/hoặc các hợp đồng hợp tác kinh doanh chia sẻ lợi nhuận giữa Công ty và đối tác, sẽ được ghi nhận theo giá gốc. Công ty trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy không có khả năng thu hồi khoản đầu tư này.

3.9.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán

3.9.4.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty sẽ căn cứ trên các nguồn thông tin đáng tin cậy (báo chí và thông tin thị trường) để xác định giá thị trường của tài sản tài chính.

Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.9.4.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Đối với các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hình thành cổ phiếu, dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như trình bày tại Thuyết minh số 3.9.4.1 - Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn.

Đối với các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa hình thành cổ phiếu hoặc chia sẻ lợi nhuận, dự phòng được trích lập khi có bằng chứng

3.10 Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích của nhân viên

3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.12.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Trong năm 2012, Công ty đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm theo qui định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Đồng thời, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các qui định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua.

3.12.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ bằng đô la Mỹ (USD) được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại thời điểm này, các khoản mục tiền tệ và công nợ bằng ngoại tệ khác được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng mở tài khoản giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách áp dụng lãi suất thị trường cho loại trái phiếu không chuyển đổi tương tự. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phần bổ cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Các chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi sau khi trừ thuế cũng được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ phân chia tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	143.921.895	359.778.099
Tiền gửi ngân hàng	333.214.067.164	283.838.318.053
Trong đó:		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	6.259.947.160	50.500.563.445
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán(*)	326.954.120.004	233.337.754.608
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	10.903.288.210	3.655.318.066
Các khoản tương đương tiền	71.232.500.000	-
	415.493.777.269	287.853.414.218

(*): Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 17).

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2012 như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đồng Việt Nam)</u>
1. Của Công ty	34.725.045	711.907.318.800
Cổ phiếu	31.925.045	414.970.118.800
Trái phiếu	2.800.000	296.937.200.000
2. Của nhà đầu tư	2.462.130.039	26.931.057.399.300
Cổ phiếu	2.454.422.509	26.665.395.383.300
Trái phiếu	3.300.000	233.625.200.000
Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	4.407.530	32.036.816.000
	2.496.855.084	27.642.964.718.100

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	214.651.624.667	316.079.274.361
Chứng khoán thương mại	455.255.959.034	543.990.735.716
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	13.945.600.000	116.787.796.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 6.1)	(254.549.934.367)	(344.699.258.155)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	564.739.381.750	651.536.376.750
Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	364.737.019.800	450.615.714.800
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	364.737.019.800	450.615.714.800
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	250.862.089.950	244.343.389.950
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 6.2)	(50.859.728.000)	(43.422.728.000)
	779.391.006.417	967.615.651.111



III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
1. Chứng khoán thương mại	25.735.479	455.255.959.034	341.126.229	(252.457.809.367)	203.139.275.896
Cổ phiếu	25.735.474	455.255.839.093	341.126.229	(252.457.743.426)	203.139.221.896
- Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (Thuyết minh 6.1.1)	25.115.272	444.176.830.249	-	(252.457.743.426)	191.719.086.823
Chứng chỉ quỹ	5	119.941	-	(65.941)	54.000
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (Thuyết minh 6.1.1)	5	119.941	-	(65.941)	54.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	1.065.407	13.945.600.000	267.065.600	(2.092.125.000)	12.120.540.600
Đầu tư ngắn hạn khác	1.065.407	13.945.600.000	267.065.600	(2.092.125.000)	12.120.540.600
- Đầu tư bị giảm giá/rủi ro (Thuyết minh 6.1.1)	697.375	11.158.000.000	-	(2.092.125.000)	9.065.875.000
	26.800.886	469.201.559.034	608.191.829	(254.549.934.367)	215.259.816.496
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
1. Chứng khoán thương mại	24.465.964	543.990.735.716	786.836.139	(332.817.890.155)	211.959.681.700
Cổ phiếu	24.465.959	543.990.615.775	786.836.139	(332.817.804.714)	211.959.647.200
- Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (Thuyết minh 6.1.1)	24.465.959	538.331.129.614	-	(332.817.804.714)	205.513.324.900
Chứng chỉ quỹ	5	119.941	-	(85.441)	34.500
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (Thuyết minh 6.1.1)	5	119.941	-	(85.441)	34.500
2. Đầu tư ngắn hạn khác	1.783.915	116.787.796.800	-	(11.881.368.000)	104.906.428.800
Đầu tư ngắn hạn khác	1.783.915	116.787.796.800	-	(11.881.368.000)	104.906.428.800
- Đầu tư bị giảm giá/rủi ro (Thuyết minh 6.1.1)	1.783.915	28.465.550.000	-	(11.881.368.000)	16.584.182.000
	26.249.879	660.778.532.516	786.836.139	(344.699.258.155)	316.866.110.500

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1.1 Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Tên cổ phiếu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
1. Chứng khoán thương mại					
Chứng khoán niêm yết					
1	MCG	5.120.235	86.879.215.384	67.422.322.384	19.456.893.000
2	PVX	3.750.600	54.596.477.676	33.968.177.676	20.628.300.000
3	VCG	3.619.288	46.557.500.101	15.793.552.101	30.763.948.000
4	DIG	976.880	42.676.808.733	30.172.744.733	12.504.064.000
5	IDI	2.238.170	38.136.461.000	22.469.271.000	15.667.190.000
6	PVS	1.800.960	29.929.840.420	5.076.592.420	24.853.248.000
7	SHI	1.605.018	21.000.283.900	11.370.175.900	9.630.108.000
8	NTL	484.390	17.916.746.740	10.069.628.740	7.847.118.000
9	REE	1.000.116	16.974.750.200	372.824.600	16.601.925.600
10	PVV	1.300.000	14.300.000.000	10.140.000.000	4.160.000.000
11	VGS	600.881	12.531.333.355	9.647.104.555	2.884.228.800
12	TDH	435.115	12.137.233.834	6.872.342.334	5.264.891.500
13	SJS	187.930	11.140.677.253	7.043.803.253	4.096.874.000
14	ITD	519.354	10.786.168.000	8.137.462.600	2.648.705.400
15	CSC	330.040	7.591.212.000	4.785.872.000	2.805.340.000
16	DC4	483.114	7.292.335.740	3.910.537.740	3.381.798.000
17	HAG	135.920	4.530.249.674	1.594.377.674	2.935.872.000
18	DNM	271.337	4.340.822.000	813.441.000	3.527.381.000
19	LCG	215.424	4.278.973.792	2.577.124.192	1.701.849.600
20	CP khác (*)	40.500	579.740.447	220.388.524	359.351.923
		25.115.272	444.176.830.249	252.457.743.426	191.719.086.823
Chứng chỉ quỹ					
	VF1	5	119.941	65.941	54.000
		5	119.941	65.941	54.000
		25.115.277	444.176.950.190	252.457.809.367	191.719.140.823
Đầu tư ngắn hạn khác					
Cổ phiếu đầu tư theo hợp đồng					
hợp tác đầu tư (**)					
		697.375	11.158.000.000	2.092.125.000	9.065.875.000
		697.375	11.158.000.000	2.092.125.000	9.065.875.000
		25.812.652	455.334.950.190	254.549.934.367	200.785.015.823

(*) Cổ phiếu khác bao gồm danh mục các mã cổ phiếu có giá trị ghi sổ dưới 100.000.000 đồng Việt Nam.

(**) Cổ phiếu đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư là các cổ phiếu được hình thành từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và nhà đầu tư, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro từ danh mục đầu tư. Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo đúng chính sách kế toán của Công ty về trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. (xem Thuyết minh 3.9).

6.1.2 Đầu tư ngắn hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB	-	15.452.446.800
- Cổ phiếu đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI)	11.158.000.000	11.158.000.000
- Cổ phiếu đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Tài chính Handico	-	68.904.800.000
- Cổ phiếu đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân	2.787.600.000	17.307.550.000
- Hợp tác đầu tư với cá nhân khác	-	3.965.000.000
	13.945.600.000	116.787.796.800

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Tình hình đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
1. Chứng khoán đầu tư	16.111.684	364.737.019.800	8.119.913.000	(23.198.228.000)	349.658.704.800
Chứng khoán sẵn sàng để bán	16.111.684	364.737.019.800	8.119.913.000	(23.198.228.000)	349.658.704.800
Cổ phiếu (1)	8.561.684	140.212.019.800	-	(6.135.728.000)	134.076.291.800
- Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro	2.359.100	30.660.728.000	-	(6.135.728.000)	24.525.000.000
Trái phiếu công ty (2)	150.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
Chứng chỉ quỹ	7.400.000	74.525.000.000	8.119.913.000	(17.062.500.000)	65.582.413.000
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro	4.500.000	45.525.000.000	-	(17.062.500.000)	28.462.500.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	11.707.342	250.862.089.950	-	(27.661.500.000)	223.200.589.950
Đầu tư ngắn hạn khác (3)	11.707.342	250.862.089.950	-	(27.661.500.000)	223.200.589.950
- Đầu tư bị giảm giá/rủi ro	3.172.000	68.234.500.000	-	(27.661.500.000)	40.573.000.000
	27.819.026	615.599.109.750	8.119.913.000	(50.859.728.000)	572.859.294.750
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
1. Chứng khoán đầu tư	21.885.581	450.615.714.800	3.520.600.000	(31.058.228.000)	423.078.086.800
Chứng khoán sẵn sàng để bán	21.885.581	450.615.714.800	3.520.600.000	(31.058.228.000)	423.078.086.800
Cổ phiếu (1)	14.335.581	226.090.714.800	-	(7.695.728.000)	218.394.986.800
- Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro	3.146.000	48.540.728.000	-	(7.695.728.000)	40.845.000.000
Trái phiếu công ty (2)	150.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
Chứng chỉ quỹ	7.400.000	74.525.000.000	3.520.600.000	(23.362.500.000)	54.683.100.000
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro	4.500.000	45.525.000.000	-	(23.362.500.000)	22.162.500.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	7.225.338	244.343.389.950	-	(12.364.500.000)	231.978.889.950
Đầu tư dài hạn khác (3)	7.225.338	244.343.389.950	-	(12.364.500.000)	231.978.889.950
- Đầu tư bị giảm giá/rủi ro	2.292.000	45.467.500.000	-	(12.364.500.000)	33.103.000.000
	29.110.919	694.959.104.750	3.520.600.000	(43.422.728.000)	655.056.976.750

(1) Trong đó bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có nguồn tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường của cổ phiếu với số tiền là 109.551.291.800 đồng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 77.549.986.800 đồng Việt Nam). Các cổ phiếu này đang được phân ánh theo giá gốc.

(2) Không có đủ thông tin để xác định giá trị thị trường của trái phiếu. Các trái phiếu này đang được phân ánh theo giá gốc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các trái phiếu này đang được dùng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng bán và mua lại trái phiếu (Xem Thuyết minh 18).

(3) Trong đó bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có nguồn tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường với số tiền là 182.627.589.950 đồng Việt Nam (31/12/2011: 126.798.760.000 đồng Việt Nam). Các cổ phiếu này đang được phân ánh theo giá gốc.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.2.1 Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Tên	Số lượng	Giá trị theo số kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn					
Chứng khoán sẵn sàng để bán					
Chứng khoán chưa niêm yết					
1	CTCP Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	50.000	2.250.000.000	750.000.000	1.500.000.000
2	CTCP May Nam Định	65.000	1.742.000.000	1.027.000.000	715.000.000
3	CTCP Phân bón Miền Nam	1.244.100	15.028.728.000	3.718.728.000	11.310.000.000
4	CTCP Đầu tư Tài chính Thăng Long	1.000.000	11.640.000.000	640.000.000	11.000.000.000
		2.359.100	30.660.728.000	6.135.728.000	24.525.000.000
Chứng chỉ quỹ					
1	Chứng chỉ Quỹ Hà nội Fund	1.500.000	15.225.000.000	4.495.500.000	10.729.500.000
2	Chứng chỉ Quỹ Tiger Fund	3.000.000	30.300.000.000	12.567.000.000	17.733.000.000
		4.500.000	45.525.000.000	17.062.500.000	28.462.500.000
		6.859.100	76.185.728.000	23.198.228.000	52.987.500.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác					
1	CTCP Đầu tư CEO	600.000	16.000.000.000	1.500.000.000	14.500.000.000
2	CTCP Công nghiệp cao su COECCO	492.000	7.380.000.000	2.460.000.000	4.920.000.000
3	CTCP Công nghiệp cao su COECCO	180.000	2.880.000.000	1.080.000.000	1.800.000.000
4	CTCP ICD Tân Cảng Long Bình	300.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
5	CTCP Địa ốc MB	517.500	10.350.000.000	5.175.000.000	5.175.000.000
6	CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam	382.500	5.737.500.000	229.500.000	5.508.000.000
7	TCTCP Đầu tư xây dựng và TMVN	700.000	19.887.000.000	14.217.000.000	5.670.000.000
		3.172.000	68.234.500.000	27.661.500.000	40.573.000.000
		10.031.100	144.420.228.000	50.859.728.000	93.560.500.000

6.2.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn của Công ty		
1. Đầu tư vốn góp dài hạn (1)	852.129.950	852.129.950
2. Ủy thác đầu tư góp vốn cho MB vào Đất Việt Land (2)	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Ủy thác đầu tư cho MB Capital (3)	231.784.960.000	172.266.260.000
Đầu tư dài hạn của các đối tác theo Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán		
4. Chứng chỉ quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội (4)	15.225.000.000	15.225.000.000
5. Chứng chỉ quỹ đầu tư Sài Gòn CK A2 (SFA2)	-	53.000.000.000
	250.862.089.950	244.343.389.950

(1) Chi tiết khoản đầu tư góp vốn dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên đơn vị	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu của công ty
Công ty CP Địa ốc MB	852.129.950	852.129.950	0,15%

(2) Ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty CP Địa ốc Đất Việt là khoản đầu tư góp vốn mà Công ty ủy thác thông qua Ngân hàng TMCP Quân đội là đại diện của các nhà đầu tư.

(3) Đây là giá vốn của danh mục cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB mà Công ty chịu toàn bộ rủi ro. Trong đó bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ (03) báo giá với số tiền là 163.550.460.000 đồng Việt Nam. Do không có các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường của cổ phiếu, các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

(4) Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Ngân hàng TMCP Quân đội.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

7.1 Chi tiết khoản phải thu

Đơn vị : đồng Việt Nam

	Tổng số	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Tổng số	Số cuối kỳ		Dự phòng đã trích lập
		Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm		Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	1.436.091.589.716	192.079.860.317	-	6.772.965.782.109	(6.936.139.308.461)	1.272.918.063.364	275.044.134.017	1.421.875.000	131.887.945.396
- Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (1)	719.251.920.091	122.533.757.200	-	2.264.030.985.927	(2.585.601.966.633)	397.680.939.385	94.039.675.946	-	48.493.360.918
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (2)	497.688.607.266	-	-	1.502.975.635.623	(1.348.145.550.308)	652.518.692.581	18.700.000.000	-	2.128.175.000
- Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (3)	193.540.446.733	69.546.103.117	-	16.872.784.578	(74.253.848.240)	136.159.383.071	136.159.383.071	-	67.489.634.478
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư (4)	23.971.416.699	-	-	2.877.523.729.833	(2.868.771.720.333)	32.723.426.199	-	-	-
- Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp	1.070.650.000	-	-	1.568.500.000	(1.409.000.000)	1.230.150.000	760.000.000	-	376.900.000
- Phải thu phí môi giới chứng khoán	528.548.927	-	-	46.954.814.408	(46.461.462.947)	1.021.900.388	-	-	-
- Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ khác	40.000.000	-	-	63.039.331.740	(11.495.760.000)	51.583.571.740	25.385.075.000	1.421.875.000	13.399.875.000
2. Trả trước cho người bán	5.377.634.641	-	-	5.060.318.025	(9.278.980.881)	1.158.971.785	-	-	-
3. Phải thu khác	228.550.590.405	-	-	1.169.675.922.245	(1.100.550.944.394)	297.675.568.256	11.171.213.844	-	5.585.606.922
- Lãi dự thu	208.004.394.661	-	-	304.119.071.241	(246.196.097.620)	265.927.368.282	-	-	-
- Phải thu khác	120.546.195.744	-	-	865.556.851.004	(854.354.846.774)	31.748.199.974	11.171.213.844	-	5.585.606.922
	1.670.019.814.762	192.079.860.317	-	7.947.702.022.379	(8.045.969.233.736)	1.571.752.603.405	286.215.347.861	1.421.875.000	137.473.552.318

(1) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ nhà đầu tư đầu giá mua cổ phần, các hợp đồng hợp tác kinh doanh mua bán chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 2 ngày đến 6 tháng và có mức thu nhập từ 1,67%/tháng đến 2,0%/tháng. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty hoặc do Công ty quản lý.

(2) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức và cá nhân mà theo đó Công ty thu lợi tức bình quân từ 16% đến 18%/năm. Trong đó có hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán số 01/MBS-VVF-2012 ngày 12 tháng 5 năm 2012 với Công ty Cổ phần Tài Chính Vinaconex-Viettel (VVF). Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn góp của Công ty tại VVF là 217.207.030.663 đồng.

(3) Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán có thời hạn hiệu lực từ 1 tháng đến 1 năm và có mức thu nhập từ 1,69%/tháng đến 2,13%/tháng (năm 2011: từ 1,69%/tháng đến 2,13%/tháng). Các khoản phải thu này được thể hiện theo giá mua trên hợp đồng. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, danh mục chứng khoán mua được chuyển quyền sở hữu sang Công ty.

(4) Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán (theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán tại ngày thứ ba kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên các Trung tâm Giao dịch). Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm Giao dịch Chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là từ 0,10% đến 0,12%/ngày tính trên số tiền ứng trước (năm 2011: từ 0,10% đến 0,12%/ngày).

Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi cho các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư, các hợp đồng hợp tác kinh doanh và các cam kết mua và bán lại chứng khoán đến hạn nhưng khách hàng không thanh toán hoặc không thực hiện đúng cam kết theo Thông tư 228/2009/TT-BTC.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7.2 Tình hình trích lập các khoản phải thu khó đòi

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm 2012	Năm 2011
Số dư đầu kỳ	57.623.958.094	16.581.065.007
Số sử dụng trong kỳ	(12.029.543.875)	(57.000.000)
Số trích lập trong kỳ	91.879.138.099	41.099.893.087
Số dư cuối kỳ	137.473.552.318	57.623.958.094

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng của nhân viên	561.210.000	418.781.130
Đặt cọc tự doanh chứng khoán	50.000.000	50.000.000
Đặt cọc thực hiện hợp đồng	15.000.000.000	15.000.000.000
Đặt cọc khác	3.000.000	43.000.000
	15.614.210.000	15.511.781.130

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: đồng Việt Nam				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Ngày 31/12/2011	2.041.521.188	40.897.655.893	2.876.415.018	3.815.733.396	49.631.325.495
Tăng trong kỳ	48.740.450	6.976.750.123	-	13.200.000	7.038.690.573
Giảm trong kỳ	(607.584.988)	(1.137.175.459)	-	(58.366.000)	(1.803.126.447)
Ngày 31/12/2012	1.482.676.650	46.737.230.557	2.876.415.018	3.770.567.396	54.866.889.621
Hao mòn lũy kế					
Ngày 31/12/2011	521.575.097	30.882.910.389	1.329.849.278	806.118.835	33.540.453.599
Tăng trong kỳ	362.250.916	7.270.574.551	479.402.502	1.059.234.364	9.171.462.333
Giảm trong kỳ	(524.720.795)	(843.376.055)	-	(36.171.433)	(1.404.268.283)
Ngày 31/12/2012	359.105.218	37.310.108.885	1.809.251.780	1.829.181.766	41.307.647.649
Giá trị còn lại					
Ngày 31/12/2011	1.519.946.091	10.014.745.504	1.546.565.740	3.009.614.561	16.090.871.896
Ngày 31/12/2012	1.123.571.432	9.427.121.672	1.067.163.238	1.941.385.630	13.559.241.972

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
		Phần mềm máy tính
Nguyên giá		
Ngày 31 tháng 12 năm 2011		7.523.860.956
Tăng trong kỳ		-
Giảm trong kỳ		-
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		7.523.860.956
Hao mòn lũy kế		
Ngày 31 tháng 12 năm 2011		3.822.933.284
Tăng trong kỳ		1.867.771.062
Giảm trong kỳ		-
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		5.690.704.346
Giá trị còn lại		
Ngày 31 tháng 12 năm 2011		3.700.927.672
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		1.833.156.610

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê nhà trả trước dài hạn (*)	90.996.040.922	96.209.930.764
	90.996.040.922	96.209.930.764

(*) Bao gồm khoản trả trước tiền thuê trụ sở chính tại số 98 Ngụy Như Kon Tum, thời hạn 48 năm với số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 61.173.054.162 VNĐ và tiền thuê văn phòng tại số 34 Láng Hạ, thời hạn thuê 14 năm với tổng số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 29.822.986.760 VNĐ.

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đầu kỳ	8.493.526.750	8.493.526.750
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(2.464.844.750)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cuối kỳ	6.028.682.000	8.493.526.750

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối Năm	Đầu năm
Tiền nộp ban đầu	3.587.865.656	3.587.865.656
Tiền nộp bổ sung	9.000.000.000	.500.000.000
Tiền lãi phân bổ hàng năm	97.569.965	737.560.293
	12.685.435.621	10.825.425.949

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị: đồng Việt Nam			
	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngân hàng	-	-	-	-
Vay tổ chức	991.800.000.000	1.256.175.394.652	2.247.975.394.652	-
Vay cá nhân	219.614.479.439	735.265.236.025	954.879.715.464	-
	1.211.414.479.439	1.991.440.630.677	3.202.855.110.116	-

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP VÀO NHÀ NƯỚC

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối Năm	Đầu năm
Các khoản phải thu NSNN		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	646.582.491	9.057.764.268
	646.582.491	9.057.764.268
Các khoản phải trả NSNN		
Thuế giá trị gia tăng	76.346.429	406.425.907
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	291.979.866	2.928.610.751
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	109.062.277	532.145.974
Các loại thuế khác	27.663.103	24.750.797
	505.051.675	3.891.933.429

Chi tiết tình hình tăng giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	Đơn vị: đồng Việt Nam			
	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp Trong năm	Số dư cuối năm
Thuế				
Các khoản phải thu NSNN				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.057.764.268)	-	(8.411.181.777)	(646.582.491)
	(9.057.764.268)	-	(8.411.181.777)	(646.582.491)
Các khoản phải trả NSNN				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	406.425.907	801.775.108	(1.131.854.586)	76.346.429
Thuế thu nhập cá nhân	3.460.756.725	11.412.331.481	(14.472.046.063)	401.042.143
Thuế thu nhập của CBCNV	2.928.610.751	3.822.791.491	(6.459.422.376)	291.979.866
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	532.145.974	7.589.539.990	(8.012.623.687)	109.062.277
Các loại thuế khác	24.750.797	565.338.899	(562.426.593)	27.663.103
	3.891.933.429	12.779.445.488	(16.166.327.242)	505.051.675
	(5.165.830.839)	12.779.445.488	(24.577.509.019)	(141.530.816)

(*) Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện cản trừ số thuế thu nhập tạm nộp trong năm 2011 với số tiền là 8.411.181.777 đồng sang số thuế thu nhập cá nhân của cán bộ công nhân viên phải trả với số tiền là 2.411.181.777 đồng và thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư phải trả với số tiền là 6.000.000.000 đồng theo Giấy đề nghị điều chỉnh của Công ty đã gửi cho Cục thuế Thành Phố Hà Nội theo mẫu số C1-07/NS ngày 22 tháng 11 năm 2012.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối Năm	Đầu năm
Lãi dự tri cho các khoản vay và nợ ngắn hạn, phát hành trái phiếu và kỳ phiếu	9.233.245.379	12.027.329.556
- Phải trả lãi trái phiếu, kỳ phiếu phát hành	1.065.205.478	493.150.685
- Phải trả lãi vay	8.168.039.901	11.534.178.871
Chi phí phải trả cho các dịch vụ đã nhận	1.165.394.317	102.201.354
- Phải trả phí hoa hồng cộng tác viên môi giới	-	99.443.970
- Phải trả cho các dịch vụ khác	1.165.394.317	2.757.384
	10.398.639.696	12.129.530.910

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối Năm	Đầu năm
Phải trả sở Giao dịch Chứng khoán	608.926.691	33.506.968
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán (thuyết minh số 4)	326.954.120.004	233.337.754.608
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	455.287.541	436.633.037
Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	722.834.791.554	-
	1.050.853.125.790	234.107.894.613

Chi tiết các khoản nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư thực hiện hợp đồng thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối năm	
Nhận ký cược, ký quỹ từ các tổ chức	656.922.913.656	
Ngân hàng TMCP VP bank	260.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Eximbank	20.000.000.000	
Công ty Tài Chính CP Vinaconex Viettel	297.000.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Trực Thăng Miền Bắc	7.841.860.312	
Công ty CP Xây dựng Coteccons	26.030.053.344	
Công ty CP Đầu tư Elmich	26.051.000.000	
Chi nhánh Tổng Công ty Trực Thăng Việt Nam	20.000.000.000	
Nhận ký cược ký quỹ từ các cá nhân	65.911.877.898	
	722.834.791.554	

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối Năm	Đầu năm
Phải trả nguồn vốn ủy thác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	-	72.896.780.000
Kinh phí công đoàn, BH xã hội, BH y tế	1.090.052.050	987.551.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(*) 268.669.006.002	26.278.730.680
	269.759.058.052	100.163.061.680

(*) Bao gồm khoản phải trả liên quan đến hợp đồng bán và mua lại trái phiếu. (Xem Thuyết minh 6.2)

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả, phải nộp dài hạn khác là khoản phải trả theo các hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán dài hạn của các đối tác (xem thuyết minh 6.2.2)

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Cuối Năm	Đầu năm
Chứng chỉ quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội	15.225.000.000	15.225.000.000
Chứng chỉ quỹ đầu tư Sài Gòn CK A2 (SFA2)	-	53.000.000.000
	15.225.000.000	68.225.000.000

20. VAY NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị: đồng Việt Nam				
	Lãi suất (%/năm)	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay dài hạn		600.000.000.000	-	-	600.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành	5%	600.000.000.000	-	-	600.000.000.000
Nợ dài hạn		-	-	-	-
		600.000.000.000	-	-	600.000.000.000

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành dưới hình thức chào bán riêng lẻ. Toàn bộ số Trái phiếu chuyển đổi đã được mua bởi Ngân hàng TMCP Quân đội. Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi là 600 tỷ đồng (tương đương 600.000 trái phiếu chuyển đổi, mệnh giá 1 triệu VNĐ/trái phiếu), giá phát hành bằng 100% mệnh giá. Lãi suất năm đầu là 5%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, là lãi suất bình quân của các lãi suất huy động tiền gửi bằng VNĐ áp dụng đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng thanh toán cuối kỳ niêm yết tại Sở Giao dịch của các Ngân hàng: Agribank, Vietinbank, VCB, MB tại ngày 26 tháng 12 hàng năm. Thời hạn trái phiếu là 5 năm, từ ngày 26 tháng 12 năm 2011 đến 26 tháng 12 năm 2016. Tại ngày đáo hạn, Ngân hàng TMCP Quân Đội có quyền chuyển đổi một trái phiếu thành 75 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu trong năm 2012 của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị : đồng Việt Nam</i>					
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Các quỹ dự trữ</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.200.000.000.000	121.000.000.000	3.495.382.993	26.643.872.704	43.092.022.000	1.394.231.277.697
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại năm 2010 theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011	-	-	1.604.529.825	459.700.710	(2.064.230.535)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2010 theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2011	-	-	-	-	(2.516.986.846)	(2.516.986.846)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(12.622.500)	-	(12.622.500)
Điều chỉnh thuế những năm trước	-	-	-	-	(2.608.309.543)	(2.608.309.543)
Lỗi thuần sau thuế năm 2011	-	-	-	-	(592.120.686.007)	(592.120.686.007)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.200.000.000.000	121.000.000.000	5.099.912.818	27.090.950.914	(556.218.190.931)	796.972.672.801
Lợi nhuận thuần sau thuế năm 2012	-	-	-	-	11.872.358.312	11.925.672.598
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	1.187.235.831	(1.187.235.831)	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(691.159.937)	-	(691.159.937)
Phân loại lại (*)	-	-	(5.099.912.818)	5.099.912.818	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.200.000.000.000	121.000.000.000	-	32.686.939.626	(545.533.068.450)	808.153.871.176

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/2012/TLS/ĐHCD-NQ ngày 20 tháng 04 năm 2012, toàn bộ số dư Quỹ đầu tư phát triển là 5.099.912.818 được phân loại thành Quỹ hỗ trợ kinh doanh với thời gian sử dụng là 3 năm và tỷ lệ sử dụng trong từng năm sẽ được Hội đồng Quản trị quyết định.

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập 5% lợi nhuận sau thuế cho Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự trữ bắt buộc theo quy định tại Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

22. DOANH THU

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	394.384.529.690	692.144.328.412
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	47.787.096.344	56.232.681.693
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	91.079.044.895	128.948.230.466
- Cổ tức	18.618.153.486	32.423.061.408
- Trái tứ	25.568.835.618	35.879.918.206
- Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	46.892.055.791	60.645.250.852
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	403.443.927
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	9.122.490.794	12.784.996.746
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	7.280.031.531	4.413.438.733
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	96.500.005	107.272.730
Doanh thu về vốn kinh doanh	238.913.897.069	489.254.264.117
- Thu lãi tiền gửi	20.760.799.281	27.860.693.552
- Thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán	6.420.460.831	4.009.021.752
- Thu lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán và thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho khách hàng	102.128.522.476	411.985.453.926
- Thu lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư thu lợi tức cố định và các hợp đồng hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư	109.604.114.481	45.399.094.887
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	105.469.052	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.376.062)	(1.835.150.149)
Doanh thu thuần	394.378.153.628	690.309.178.263

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	15.396.584.632	12.830.372.567
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	95.351.764.750	190.011.187.627
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(82.712.323.788)	234.877.628.155
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	141.613.824.788	605.904.171.435
- Trả lãi trái phiếu	30.572.054.793	19.088.333.330
- Trả lãi tiền vay	105.552.210.288	581.500.754.845
- Chi phí trả lãi tiền gửi phải trả nhà đầu tư	5.489.559.707	5.315.083.260
Chi phí hoạt động tư vấn	-	1.499.300.000
Chi phí hoa hồng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân, hoa hồng cộng tác viên môi giới	366.481.720	28.321.458.568
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	65.038.872.157	110.929.783.640
- Chi phí nhân viên	37.648.071.845	59.113.192.815
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.018.389.962	6.444.600.907
- Chi phí phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.193.818.855	6.680.031.077
- Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.055.350.148	4.379.326.017
- Chi phí thuê văn phòng	9.134.424.152	16.724.788.360
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.271.692.159	6.637.682.085
- Chi phí khác	4.717.125.036	10.950.162.379
	235.055.204.259	1.184.373.901.992

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	25.419.885.230	22.846.454.442
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	525.811.234	938.739.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.020.843.433	10.443.306.963
Chi phí thuê văn phòng	3.982.123.848	8.041.166.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.222.996.275	4.159.940.894
Thuế, phí và lệ phí	43.368.716	45.935.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	91.879.138.099	41.099.893.087
Chi phí khác	5.558.626.812	6.210.915.102
	144.652.793.647	93.786.350.876

25. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
- Thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	544.323.976	3.910.107.933
- Thu nhập bất thường khác	240.482.571	5.436.273
	784.806.547	3.915.544.206
Chi phí khác		
- Chi về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	(399.129.649)	(6.213.760.704)
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	(718.629.558)	(1.971.394.904)
	(1.117.759.207)	(8.185.155.608)
	(332.952.660)	(4.269.611.402)

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

26.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty trong năm 2012 được trình bày dưới đây:

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	14.337.203.062	(592.120.686.007)
Trừ:		
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(18.618.153.486)	(32.423.061.408)
Cộng:		
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(9.859.379.000)	32.460.000
- Chi phí không hợp lệ	65.597.588	2.805.872.952
Lỗ tính thuế TNDN trước chuyển lỗ	(14.074.731.836)	(621.705.414.463)
Chuyển lỗ tính thuế TNDN từ năm trước	-	-
Lỗ tính thuế TNDN	(14.074.731.836)	(621.705.414.463)
Tổng chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(9.057.764.268)	(11.356.604.148)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN theo Quyết toán thuế những năm trước	-	2.298.839.880
Cần trừ với thuế TNCN trong kỳ (Thuyết minh 15)	8.411.181.777	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(646.582.491)	(9.057.764.268)

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

26.2 Lỗ tính thuế mang sang

Kể từ năm 2011, Công ty phát sinh lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

Công ty không thực hiện tính và hạch toán thuế hoãn lại trên số lỗ còn lại chưa chuyển do không chắc chắn về khả năng tạo được lợi nhuận trong các năm tiếp theo để có thể cản trừ khoản lỗ này.

Số liệu chi tiết liên quan đến lỗ tính thuế phát sinh và việc chuyển lỗ từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam			
Năm	Lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ	Đã chuyển lỗ trong kỳ	Số còn được chuyển lỗ tính đến cuối kỳ
2011	621.705.414.463	-	621.705.414.463
2012	14.074.731.836	-	635.780.146.299

Nghĩa vụ thuế cũng như lỗ tính thuế ước tính của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2012 bao gồm:

Đơn vị: đồng Việt Nam			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng TMCP Quân đội	Ngân hàng mẹ	Thu lãi tiền gửi	15.196.458.797
		Thu phí lưu ký và thanh toán trái phiếu MB phát hành trong năm 2010	180.000.000
		Phí giao dịch chứng khoán	14.000.000
		Phí tư vấn	400.000.000
		Phí giao dịch chứng khoán của MB	33.657.600
		Chi phí thuê văn phòng	(346.021.858)
		Chi phí đại lý nhận lệnh	(845.781.498)
		Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi	(30.572.054.793)
		Chi phí trả lãi vay	(54.953.725.993)
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty con của Ngân hàng mẹ	Thu phí giao dịch chứng khoán	551.373.317
		Chi phí quản lý danh mục	(360.000.000)
		Chi phí lãi vay	(482.354.165)

Số dư của Công ty với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

Đơn vị: đồng Việt Nam				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Khoản phải thu	Khoản phải trả
Ngân hàng TMCP Quân đội	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi thanh toán	16.653.184.426	-
		Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	254.751.347.300	-
		Tiền gửi có kỳ hạn	41.000.000.000	-
		Lãi dự thu	162.722.222	-
		Tiền thuê văn phòng và tiền điện	86.260.832	-
		Phí dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp	78.650.000	-
		Phải thu khác	3.092.765	-
		Phải trả khác	-	249.125.700.000
		Trái phiếu chuyển đổi phát hành dài hạn	-	60.000.000.000
		Lãi dự trả đối với trái phiếu chuyển đổi phát hành dài hạn	-	1.065.205.479
		Phải trả khác	-	37.777.494
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty con của Ngân hàng mẹ	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	74.525.000.000
Công ty CP Địa ốc MB	Công ty con của Ngân hàng mẹ	Góp vốn	852.129.950	-

27.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam		
	Cuối năm	Đầu năm
	Đến 1 năm	10.527.946.815
	Trên 1 - 5 năm	6.380.563.657

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

27.3 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	11.872.358.312	(592.120.686.007)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	120.000.000	83.178.082
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	99	(7.119)

27.4 Chính sách quản lý rủi ro

Mục đích của Công ty là trở thành một Công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường. Do vậy, Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì toàn bộ các khoản vay trong năm đều có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, rủi ro ngoại tệ do thay đổi tỷ giá hối đoái đối với Công ty là không đáng kể do Công ty chỉ nắm giữ 692,14 đô la Mỹ và 780 Yên Nhật.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 707.713.582.519 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 572.456.285.716 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 342.845.352 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 22.434.047.470 đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 56.959.600.548 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 22.208.772.976 đồng Việt Nam).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	Năm nay	Năm trước
Không quá hạn và không bị suy giảm	1.285.537.255.544	941.613.331.827
Quá hạn nhưng không bị suy giảm	3.557.811.403	536.326.622.622
- Dưới 90 ngày	3.557.811.403	536.326.622.622
- Từ 91 đến 180 ngày	-	-
Quá hạn và bị suy giảm	282.657.536.458	192.079.860.313
- Từ 181 đến 210 ngày	3.389.308.373	192.079.860.313
- Trên 210 ngày	279.268.228.085	-
	1.571.752.603.405	1.670.019.814.762

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản vay và nợ	-	971.767.291.554	15.225.000.000	986.992.291.554
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	600.000.000.000	600.000.000.000
Phải trả người bán	290.449.838	-	-	290.449.838
Người mua trả tiền trước	1.529.502.000	-	-	1.529.502.000
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	368.444.790.269	9.233.245.379	-	377.678.035.648
	370.264.742.107	981.000.536.933	615.225.000.000	1.966.490.279.040
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay và nợ	-	1.211.414.479.439	68.225.000.000	1.279.639.479.439
Trái phiếu phát hành	-	-	600.000.000.000	600.000.000.000
Phải trả người bán	155.985.273	-	-	155.985.273
Người mua trả tiền trước	2.244.100.000	-	-	2.244.100.000
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	345.662.794.532	12.129.530.910	-	357.792.325.442
	348.062.879.805	1.223.544.010.349	668.225.000.000	2.239.831.890.154

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Đối với các hợp đồng hợp tác đầu tư, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo là các chứng khoán và/hoặc tiền trên tài khoản của nhà đầu tư.

Tổng giá trị của tài sản đảm bảo tương ứng với số dư phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải thu tiền gốc các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư	(566.563.748.655)	(719.251.920.091)
Phải thu tiền lãi từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư	(316.818.034.011)	(148.417.844.722)
Tài sản đảm bảo	724.881.000.491	722.434.507.800
	(158.500.782.175)	(145.235.257.013)

27.5 Thuyết minh bổ sung về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách tham khảo các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

27.5 Chi tiết khoản phải thu (tiếp theo)

Đơn vị : đồng Việt Nam

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	455.255.959.034	252.457.809.367	543.990.735.716	332.817.890.155	707.713.768.401	211.959.681.700
Cổ phiếu niêm yết	455.255.839.093	252.457.743.426	543.990.615.775	332.817.804.714	707.713.582.519	211.959.647.200
Chứng chỉ quỹ	119.941	65.941	119.941	85.441	185.882	34.500
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	364.737.019.800	23.198.228.000	450.615.714.800	31.058.228.000	387.935.247.800	423.078.086.800
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	140.212.019.800	6.135.728.000	226.090.714.800	7.695.728.000	146.347.747.800	218.394.986.800
Chứng chỉ quỹ	74.525.000.000	17.062.500.000	74.525.000.000	23.362.500.000	91.587.500.000	54.683.100.000
Trái phiếu (*)	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu (*)	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	13.945.600.000	2.092.125.000	116.787.796.800	11.881.368.000	(*)	(*)
Trả trước cho người bán	1.158.971.785	-	5.377.634.641	-	(*)	(*)
Phải thu khác	297.675.568.256	5.585.606.922	228.550.590.405	-	(*)	(*)
Các khoản tài sản tài chính ngắn hạn khác	13.945.600.000	2.092.125.000	116.787.796.800	11.881.368.000	(*)	(*)
Tài sản ngắn hạn khác	18.298.493.309	-	30.137.940.659	-	(*)	(*)
Tài sản dài hạn khác	111.677.002.488	-	118.920.688.667	-	(*)	(*)
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	250.862.089.950	27.661.500.000	244.343.389.950	12.364.500.000	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	415.493.777.269	-	287.853.414.218	-	415.493.777.269	287.853.414.218
	3.202.022.545.255	442.883.214.685	3.462.669.495.572	445.745.944.249	N/A	N/A

(*) Không thể xác định được giá trị hợp lý do không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này và các quy định có liên quan.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

27.5 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ dài hạn (**)	615.225.000.000	668.225.000.000	615.225.000.000	668.225.000.000
Nợ phải trả tài chính nắm giữ để kinh doanh	1.299.785.625.790	234.107.894.613	1.299.785.625.790	234.107.894.613
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	7.595.844.813	673.788.813	7.595.844.813	673.788.813
Vay và nợ ngắn hạn	-	1.211.414.479.439	-	1.211.414.479.439
Phải trả người bán	290.449.838	155.985.273	290.449.838	155.985.273
Người mua trả tiền trước	1.529.502.000	2.244.100.000	1.529.502.000	2.244.100.000
Chi phí phải trả	10.345.325.410	12.129.530.910	10.345.325.410	12.129.530.910
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	3.661.644.744	3.456.946.472	3.661.644.744	3.456.946.472
Phải trả khác	276.936.072.159	107.424.164.634	276.936.072.159	107.424.164.634
	2.215.369.464.754	2.239.831.890.154	2.215.369.464.754	2.239.831.890.154

(*) Không thể xác định được giá trị hợp lý do không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này và các quy định có liên quan.

(**) Bao gồm các trái phiếu chuyển đổi được Công ty phát hành trong năm 2011. Tuy nhiên, tại ngày phát hành, không có đủ thông tin về lãi suất thị trường để xác định được giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi cũng như để xác định giá trị của thành phần vốn của các trái phiếu này.

27.6 Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp hoặc đã chuyển nhượng nhưng không đủ điều kiện dừng ghi

Chi tiết các tài sản tài chính của Công ty được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với tổ chức tín dụng khác như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Cuối Năm</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Nghĩa vụ có liên quan</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Nghĩa vụ có liên quan</i>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	150.000.000.000	248.932.500.000	-	-
	150.000.000.000	248.932.500.000	-	-

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Người lập



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2013

Người phê duyệt



Ông Chu Hải Công
Quyền kế toán Trưởng

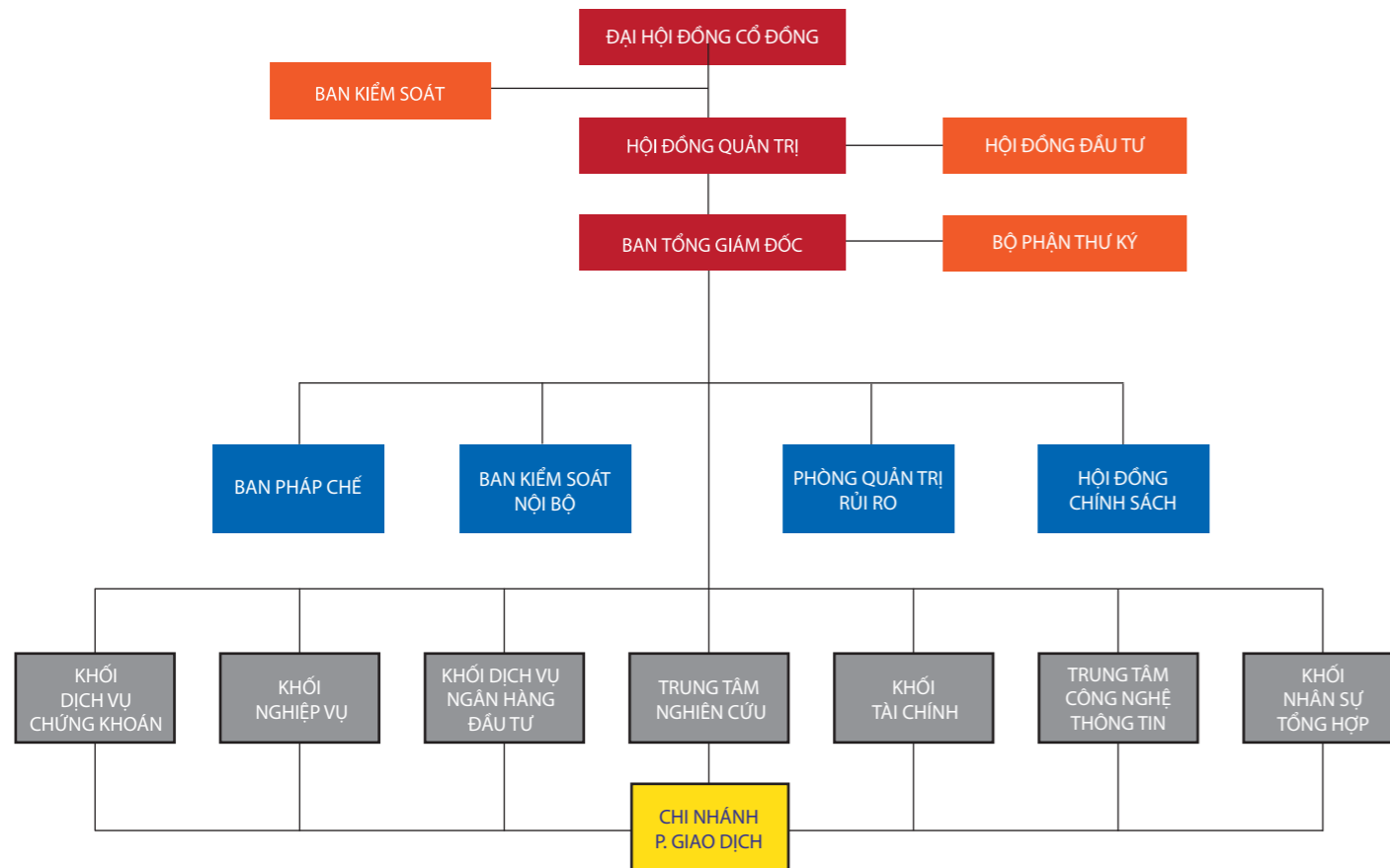
Người phê duyệt



Ông Lưu Trung Thái
Quyền Tổng Giám đốc

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



2. TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lưu Trung Thái

Chức vụ hiện tại
Giới tính
Ngày sinh
Trình độ chuyên môn
Quá trình công tác

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc.

Nam

05/12/1975

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

- T10/1997- T9/2001: Nhân viên Tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- T10/2001 - T5/2004: Phụ trách phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- T6/2004 - T11/2007: Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- T12/2007 - T4/2008: Giám đốc Nhân sự - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- T4/2008 - T11/2011: Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- T12/2011 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS.

Ông Quách Mạnh Hào

Chức vụ hiện tại
Giới tính
Ngày sinh
Trình độ chuyên môn
Quá trình công tác

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc.

Nam

05/03/1976

Tiến sỹ Kinh tế.

- 1998 - 2001: Trợ lý tư vấn thuế tại Pricewaterhouse Coopers Hanoi.
- 2001 - 2005: Du học tại Vương Quốc Anh và được trao bằng MBA, Tiến sỹ về Kinh tế Tài chính tại Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh.
- 2005 - 2006: Chuyên viên Tài trợ dự án tại Công ty Tư vấn Tài chính Community Finance Solutions, thành phố Manchester, Vương Quốc Anh.
- 2006 đến nay: Làm việc tại MBS.
- Tham gia công tác nghiên cứu và phân tích về Thị trường Tài chính; tham dự nhiều hội thảo quốc tế và có các bài viết đăng tải trên các tạp chí trong nước và nước ngoài về lĩnh vực Tài chính, đặc biệt là lĩnh vực Dịch vụ Tài chính nhỏ. Tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại Học như Hanoi School of Business, Birmingham Business School, Liverpool University, Salford University (thành phố Manchester, Vương Quốc Anh), và California State University tại Long Beach (Mỹ).
- Tháng 08/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc MBS.

Ông Trịnh Khắc Hậu

Chức vụ hiện tại
Giới tính
Ngày sinh
Trình độ chuyên môn
Quá trình công tác

Phó Tổng Giám đốc

Nam

11/10/1969

Tiến sỹ Kinh tế.

- 1986 - 2001: Nghiên cứu sinh và làm việc với chức danh Quản lý tại một số doanh nghiệp lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính và tài trợ dự án tại Liên Xô cũ.
- 2001 - 2005: Làm việc tại Phòng quản lý dự án, Ngân hàng TMCP Quân đội.
- 2005: Phụ trách Khối Môi giới của MBS.
- Tháng 5/2006: Phó Giám đốc Công ty MBS.
- Tháng 1/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc MBS.

3. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2012 số lượng cán bộ, nhân viên MBS là 278 người. Trong năm 2012, MBS đã thực hiện thay đổi chính sách về lương đối với CBNV theo hướng cạnh tranh với thị trường; phù hợp với năng lực của từng người và gắn với kết quả thực hiện công việc của người lao động. Hàng năm, Công ty mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động, tổ chức các chương trình vui chơi, giải trí nhằm nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho CBNV.

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lưu Trung Thái
Chủ tịch HĐQT
Quyền Tổng Giám đốc

Ông Lưu Trung Thái hiện là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Thái gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) từ năm 1997 và được giao nhiều trọng trách như: Phụ trách phòng Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng - Phụ trách khu vực miền Trung, Giám đốc Nhân sự... Từ tháng 04/2008, Ông được đề bạt làm Phó Tổng Giám đốc của MB phụ trách khối Khách hàng cá nhân. Ông hiện đồng thời là thành viên HĐQT Tổng Công ty Bưu chính Viettel. Ông Thái tốt nghiệp Học viện Ngân hàng, Đại học Luật và MBA tại Đại học Hawaii - Hoa Kỳ.



Bà Cao Thị Thúy Nga
Phó Chủ tịch HĐQT

Bà Cao Thị Thúy Nga hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán MB, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB), phụ trách Truyền thông, khối Quản lý mạng lưới và kênh phân phối. Bà có 11 năm kinh nghiệm về lĩnh vực tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, hơn 12 năm là Kế toán trưởng kiêm Phụ trách nhân sự tại Ngân hàng liên doanh VID PUBLIC. Bà Nga tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Tài chính - Kế toán và đã tham gia các khoá học Kiểm toán quốc tế tại Công ty Kiểm toán Việt Nam. Bà Nga là thành viên HĐQT đại diện vốn của MB tại MBS.



Ông Phan Phương Anh
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phan Phương Anh có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, chứng khoán và đầu tư tại Việt Nam, và là một trong những thành viên sáng lập MB Capital. Hiện nay, ông là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MB Capital, thành viên HĐQT của MBS, thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tài chính Vinaconex - Viettel, đồng thời là thành viên sáng lập của CLB Quản lý quỹ Việt Nam. Trước đây, ông Phan Anh từng công tác tại MB từ năm 1998 và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, thành viên Ủy ban ALCO, thành viên Ủy ban Tái cơ cấu của MB. Ông Phan Anh tham gia đề án thành lập MBS năm 2000 và từng là Trưởng văn phòng đại diện MBS tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông có bằng Thạc sỹ về tài chính ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân và bằng MBA của trường Đại học Griggs (Hoa Kỳ).



Bà Nguyễn Minh Châu
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Minh Châu tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng tài chính trường Đại học kinh tế Paris Dauphine (Pháp) và trường cao học Quản lý kinh tế Châu Âu ESCP - EAP. Bà Châu từng 3 năm phụ trách Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng Hanil Hà Nội (sau sáp nhập với Ngân hàng TM Hàn Quốc đổi tên là Woori); 2 năm làm Phó Giám đốc phụ trách nguồn vốn, ngoại hối, định chế tài chính Ngân hàng Woori Hà Nội; 4 năm làm Giám đốc phụ trách mảng kinh doanh của Ngân hàng Woori Hà Nội bao gồm nguồn vốn, ngoại hối và quan hệ khách hàng lớn; 2 năm làm Giám đốc Khối nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ Ngân hàng PG Bank; 2 năm làm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng PG Bank phụ trách nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ, đầu tư tài chính, quan hệ định chế tài chính. Bà Châu gia nhập MB từ năm 2009 với vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Treasury.



Ông Quách Mạnh Hào
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc

Ông Quách Mạnh Hào hiện là Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách hoạt động Nghiên cứu và Dịch vụ ngân hàng đầu tư của MBS. Ông Hào gia nhập MBS từ trường Đại học Harvard – nơi ông làm việc với tư cách là một học giả nghiên cứu Fulbright. Ông Hào có bằng Thạc sỹ và Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính của Trường Đại học Birmingham (Anh Quốc). Ông Hào đã từng làm việc tại các trường đại học Liverpool, Salford, Birmingham, California State tại Long Beach, Đại học Kinh tế Quốc dân và tham gia vào các dự án nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Hoàng Gia Scotland, Ngân hàng Barclays, PricewaterhouseCoopers và nhiều các tổ chức phi chính phủ khác. Ông Hào có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực tư vấn đầu tư và tư vấn doanh nghiệp với sự hiểu biết chuyên sâu về các doanh nghiệp và thị trường vốn tại Việt Nam. Ông Hào là diễn giả quen thuộc tại một số hội thảo liên quan đến thị trường chứng khoán, nghiên cứu của ông được đăng tải tại một số tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1 Cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
1	Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch <i>Thành viên điều hành</i>	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 30,926%	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bưu Chính Viettel
2	Bà Cao Thị Thúy Nga	Phó Chủ tịch <i>Thành viên không điều hành</i>	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 15,463% Sở hữu cá nhân: 0,063%	Không có
3	Bà Nguyễn Minh Châu	Ủy viên <i>Thành viên không điều hành</i>	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 15,463%	Chủ tịch HĐQT MB Capital
4	Ông Phan Phương Anh	Ủy viên <i>Thành viên độc lập</i>	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 0,5% Sở hữu cá nhân: 0,183%	Phó chủ tịch HĐQT MB Capital
5	Ông Quách Mạnh Hào	Ủy viên <i>Thành viên điều hành</i>	Sở hữu cá nhân: 0,386%	Thành viên HĐQT MB Capital

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ hàng quý để tổng kết hoạt động của mỗi quý và bàn kế hoạch cho quý tiếp theo. TTHĐQT cũng tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản/email nhằm giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT/TT HĐQT.

Các cuộc họp HĐQT/TT HĐQT và việc lấy ý kiến từ xa đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MBS. Các vấn đề chỉ đạo và quản lý hoạt động kinh doanh nổi bật của Công ty đã được HĐQT/TT HĐQT biểu quyết thông qua trong năm 2012 như sau:

- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh của từng quý và kế hoạch hành động cho quý tiếp theo.
- Đổi tên Công ty từ Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS) thành Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và thay đổi bộ nhận diện thương hiệu MBS.
- Chuyển trụ sở chính của Công ty từ 98 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội về Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
- Tiếp tục thu hẹp mạng lưới hoạt động, cơ cấu lại nhân sự.
- Điều chỉnh lại Mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị bộ phận MBS.
- Điều chỉnh lại các quy chế trọng yếu của Công ty: Quy chế lương, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư tài chính... cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của Công ty.
- Phân quyền các hạn mức phán quyết liên quan đến mảng dịch vụ tài chính, đầu tư tự doanh.

1.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT không điều hành đã thực hiện nghiêm túc chức năng và nhiệm vụ được phân công phân nhiệm, tham gia các cuộc họp HĐQT/TT HĐQT, góp ý với những vấn đề được lấy ý kiến nhằm chỉ đạo kịp thời các hoạt động của MBS.

1.4 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012, kinh tế thế giới trải qua nhiều biến động phức tạp: tăng trưởng kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn. Những tác động tiêu cực của nền kinh tế thế giới đã buộc Việt Nam phải chuyển trọng tâm chính sách từ ưu tiên tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì mức tăng trưởng một cách hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế. Do vậy, năm 2012 vẫn là một năm đầy khó khăn đối với thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng.

Trước bối cảnh đó, HĐQT MBS đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao, đưa ra những định hướng đúng đắn, quyết liệt và linh hoạt chỉ đạo điều hành theo diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng hoạt động của Công ty; hướng trọng tâm hoạt động Công ty trong năm 2012 vào công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm soát chi phí, đẩy mạnh công tác cơ cấu và tổ chức lại nhân sự, tập trung cho công tác chăm sóc và phát triển khách hàng, thay đổi bộ nhận diện thương hiệu MBS, tái cơ cấu danh mục đầu tư, tập trung xử lý triệt để các khoản nợ xấu.

Kết quả năm 2012 MBS đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, cụ thể doanh thu đạt 395,2 tỷ đồng hoàn thành 127,5% và lợi nhuận đạt 11,9 tỷ đồng hoàn thành 112% so với kế hoạch. Trong đó, hoạt động môi giới đã ghi nhận những nỗ lực đáng kể của Công ty trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố lòng tin đối với khách hàng nhằm giữ vững mạng lưới khách hàng hiện có và thu hút thêm khách hàng mới. Kết thúc năm 2012, số lượng tài khoản quản lý của MBS đạt hơn 55.000 tài khoản tăng 3.775 tài khoản (tăng 20,6% so với năm 2010 và tăng 7% so với năm 2011).

Về hoạt động ngân hàng đầu tư: Trong năm 2012, MBS đã thực hiện ký mới được 49 hợp đồng tư vấn với giá trị đạt 6,1 tỷ đồng và mức phí thành công từ 2% - 4%. Trong đó một số thương vụ lớn do MBS tư vấn thành công đã gây được tiếng vang trên thị trường đồng thời khẳng định hình ảnh và uy tín của MBS trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư nói riêng và trên thị trường nói chung như: thương vụ M&A bán 19% cổ phần của Công ty Thực phẩm Cholimex cho Tập đoàn Nichirei của Nhật với giá trị khoảng 6,25 triệu USD, thương vụ chào mua công khai 10,62% cổ phần Công ty cổ phần Cồn rượu Hà nội Halico nâng tỷ lệ sở hữu của bên mua là Diageo tại Halico lên 45,52%.

Về hoạt động đầu tư: danh mục đầu tư được cơ cấu lại theo hướng nắm giữ những cổ phiếu có cơ bản tốt và tính thanh khoản cao. Do đó, tính tại thời điểm 31/12/2012, NAV danh mục chứng khoán tăng 18% so với thời điểm 31/12/2011 trong khi chỉ số HNX-Index giảm 3% và Vn-Index tăng 22%.

Đạt được kết quả khả quan đó, bên cạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Hội đồng quản trị MBS, phải kể đến sự quan tâm, hỗ trợ không nhỏ từ phía ngân hàng mẹ - Ngân hàng TMCP Quân đội cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty. Kết quả đó cũng khẳng định định hướng chiến lược do Đại hội đồng cổ đông đề ra là hoàn toàn đúng đắn và sẽ là tiền đề quan trọng cho việc thực hiện chiến lược phát triển của MBS giai đoạn tiếp theo.



V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.5 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Tại các phiên họp định kỳ, HĐQT công ty đều tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý và bàn kế hoạch giai đoạn sau do Ban Tổng Giám đốc trình bày. Các cuộc họp đều được thảo luận dân chủ, công khai và có trách nhiệm cao.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

Công tác quản trị công ty của HĐQT được duy trì, củng cố và luôn đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và thực tiễn kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT/TT HĐQT và đạt được nhiều kết quả trên các mặt hoạt động:

- Việc thay đổi bộ nhận diện thương hiệu Công ty đã góp phần xây dựng một hình ảnh MBS hoàn toàn mới với những giá trị cốt lõi được đánh giá cao: Sáng tạo đi kèm thực tiễn, Tôn trọng và học tập, Mẫn cán, Tinh thần đồng đội, Trách nhiệm và phát triển cộng đồng.
- Việc hoàn tất phương án di chuyển trụ sở chính của Công ty từ 98 Nguyễn Như Kon Tum về số 3 Liễu Giai đã giải quyết được vấn đề thiếu chỗ làm việc tại Hội sở, tránh tình trạng văn phòng làm việc manh mún, chắp vá, không ổn định, nâng cao vị thế của một công ty chứng khoán có trụ sở khang trang tại vị trí trung tâm thành phố...
- MBS đã tiến hành đóng cửa một số chi nhánh, phòng giao dịch hoạt động kém hiệu quả. Trong năm 2012, MBS đã đóng cửa thêm 03 Chi nhánh và 02 Phòng giao dịch.

Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Đánh giá một cách khách quan, tất cả các thành viên HĐQT đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình. Theo đánh giá của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT.

1.6 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2012 – 2015, xây dựng văn hóa công ty.
- Công tác quản trị rủi ro phải được thực hiện quyết liệt, triệt để và toàn diện nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống MBS.
- Tập trung cho công tác chăm sóc và phát triển khách hàng: Ổn định đội ngũ nhân sự kinh doanh, tăng cường hoạt động marketing và các tiện ích sản phẩm nhằm thu hút khách hàng; liên kết chặt chẽ và dài hạn với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác triệt để thế mạnh tập đoàn...
- Đẩy mạnh công tác tổ chức, nhân sự: Tái cơ cấu mô hình tổ chức MBS theo hướng tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo hoạt động thông suốt cho toàn Công ty; Cắt giảm nhân sự; Đưa hệ thống quản lý thành tích hoạt động một cách có hiệu quả; Đào tạo chuyên sâu các cán bộ quản lý chủ chốt.



V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thanh Bình
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Bình hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Bình tốt nghiệp Trường ĐH Kinh tế Praha, Khoa Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Tài chính. Trước khi trở thành thành viên Ban Kiểm soát MB, bà Bình đã có 20 năm kinh nghiệm ở vị trí quản lý Khối Tài chính Doanh nghiệp.



Bà Bùi Thị Hồng Hạnh
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Hồng Hạnh hiện là thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hạnh có bằng Cử nhân Tài chính Kế toán. Bà đã từng đảm nhiệm vị trí Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng tại Công ty CP Dịch vụ Thương mại và Kỹ thuật. Trước khi là thành viên Ban Kiểm soát, bà Hạnh đã đảm nhiệm nhiều vị trí tại MBS như Phó phòng Kế toán nội bộ, Phó ban Kiểm soát nội bộ.



Bà Nguyễn Kim Chung
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Chung hiện là thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Chung có bằng Thạc sỹ Kinh tế. Trước khi gia nhập MBS, bà đã từng làm Kế toán Công ty cổ phần Intimex Việt Nam. Tại MBS, bà Chung đã đảm nhiệm nhiều vị trí như Kế toán, Kiểm soát, Trưởng sàn giao dịch Hoàng Quốc Việt, Trưởng phòng Nghiệp vụ 16.

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Bà Nguyễn Thanh Bình - Trưởng ban Kiểm soát số CP sở hữu: 1.000 cp, chiếm tỷ lệ 0,001%
- Bà Bùi Thị Hồng Hạnh - Thành viên Ban Kiểm soát: số CP sở hữu 111.162 cp, chiếm tỷ lệ 0,093%
- Bà Nguyễn Kim Chung - Thành viên Ban Kiểm soát: số CP sở hữu: 18.900 cp, chiếm tỷ lệ 0,016%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Với trách nhiệm được Đại hội đồng cổ đông giao cho, Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.
- Báo cáo tài chính năm 2012 của công ty đã được kiểm toán bởi công ty TNHH ERNST & YOUNG, đây là một trong những công ty kiểm toán quốc tế có uy tín tại Việt Nam. Kết quả kiểm toán của công ty TNHH ERNST & YOUNG cho thấy không có ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính năm 2012 của công ty.
- Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính của công ty. Kết quả thẩm tra cho thấy số liệu trên báo cáo đã phản ánh hợp lý tình hình của công ty đến thời điểm ngày 31/12/2012. Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Ban Kiểm soát tiến hành giám sát tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Kết quả giám sát cho thấy công ty đã thực hiện đầy đủ, đúng nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Thực hiện giám sát việc tuân thủ hoạt động của HĐQT, Ban điều hành công ty thông qua việc tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thường trực HĐQT nhằm kịp thời đưa ra các tư vấn, khuyến nghị đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty an toàn, đúng qui định của pháp luật.
- Các thành viên ban Kiểm soát trực tiếp kiểm tra tại các phòng ban, khối nghiệp vụ; các chi nhánh, phòng giao dịch nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các đơn vị thuộc công ty.
- Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Ban. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động của Ban cũng như hoạt động kinh doanh của công ty, công tác tuân thủ, chấp hành các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh, đánh giá những mặt đạt được cũng như những hạn chế, rủi ro tiềm tàng trong hoạt động của công ty để kịp thời đưa ra các khuyến nghị cho HĐQT, Ban điều hành.
- Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc đã được thực hiện khá tốt:
 - + Có thông báo mời họp, ghi biên bản họp và thông báo kết quả cuộc họp HĐQT, TT HĐQT cho Ban Kiểm soát.
 - + Thông báo các nghị quyết HĐQT cho Ban KS và Ban điều hành. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.
 - + Cung cấp các báo cáo định kỳ, các số liệu và tình hình khác theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TIỀN THÙ LAO
1	Lưu Trung Thái	Chủ tịch	104.000.000 VNĐ
2	Cao Thị Thúy Nga	Phó Chủ tịch	78.000.000 VNĐ
3	Phan Phương Anh	Thường trực HĐQT	78.000.000 VNĐ
4	Quách Mạnh Hào	Ủy viên HĐQT	52.000.000 VNĐ
5	Nguyễn Minh Châu	Ủy viên HĐQT	0 VNĐ
6	Nguyễn Thị Thanh Bình	Trưởng ban Kiểm soát	78.000.000 VNĐ
7	Bùi Thị Hồng Hạnh	Thành viên	173.525.000 VNĐ
8	Nguyễn Kim Chung	Thành viên	106.305.144 VNĐ
9	Trần Thị Thụy Anh	Thư ký HĐQT	26.000.000 VNĐ
Cộng			695.830.144 VNĐ

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Thành viên Hội đồng quản trị: Bà Cao Thị Thúy Nga

- Số lượng trước khi chuyển nhượng: 175.746 cổ phần
- Số lượng chuyển nhượng: 100.000 cổ phần
- Số lượng sau khi chuyển nhượng: 75.746 cổ phần
- Ngày chuyển nhượng: 14/03/2012

3.3 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

STT	Các nội dung chưa thực hiện	Giải pháp
1	Đào tạo về Quản trị công ty đối với các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty	Công ty đang bố trí cho các đối tượng này tham gia các lớp đào tạo về quản trị công ty
2	Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu	Công ty đang tiến hành sửa đổi Điều lệ theo quy định để trình ĐHĐCĐ thông qua trong cuộc họp đại hội thường niên 2013 sắp tới
3	Ban hành Quy chế quản trị Công ty	Công ty đang xây dựng Quy chế quản trị Công ty theo quy định và sẽ ban hành sau khi Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thông qua 2013.

VI. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Trụ sở chính:

Tòa nhà MB
Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 4 3726 2600
Fax: +84 4 3726 2601

Chi nhánh Hải Phòng

28A Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel: +84 31 450 9666
Fax: +84 31 382 1885

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 2, Tòa nhà Petro Việt Nam
1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3910 6411
Fax: +84 8 3910 6412

